

**Khoa Mác Lê Nin**

# **Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam**

**Tác giả:** Khoa Mác Lê

**Biên mục:** sdms

Giới thiệu

## **TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG**

### **LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**Bộ môn Mác-Lênin**

Long Xuyên - 2005

Bài mở đầu: Nhập môn lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, là đội tiên phong cách mạng, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam.

Nghiên cứu và tổng kết các bài học lịch sử của Đảng là một phương pháp tốt để nâng cao trình độ lý luận của cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, góp phần khắc phục những xu hướng giáo điều và kinh nghiệm chủ nghĩa trong Đảng.

## 1. Đối tượng nghiên cứu:

- Lịch sử cách mạng Việt Nam từ năm 1930 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm xoá bỏ chế độ thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, xây dựng chế độ cộng hoà dân chủ nhân dân tiến lên chế độ cộng hoà xã hội chủ nghĩa.
- Hoạt động lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (hoạt động lãnh đạo lý luận và hoạt động lãnh đạo thực tiễn).
- Quy luật hình thành và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam.

## 2. Mục đích, yêu cầu, chức năng và nhiệm vụ:

### a. Mục đích, yêu cầu:

- Làm sáng tỏ quá trình hình thành, phát triển của Đảng; Khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu đảm bảo mọi thắng lợi của Cách mạng Việt Nam.
- Trình bày khách quan, toàn diện và có hệ thống các sự kiện cơ bản về lịch sử Đảng qua từng giai đoạn và từng thời kỳ cách mạng.

### b. Chức năng: Nhận thức khoa học và giáo dục tư tưởng chính trị.

- Chức năng nhận thức khoa học: phục vụ việc nhận thức xã hội theo đúng quy luật phát triển như một quá trình lịch sử - tự nhiên.
- Chức năng giáo dục tư tưởng chính trị: giáo dục, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

### c. Nhiệm vụ:

- Làm sáng tỏ điều kiện lịch sử - xã hội ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Làm rõ quá trình hình thành và phát triển của Đảng gắn liền với quá trình xây dựng một chính Đảng cách mạng theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM.
- Trình bày quá trình hoạt động lãnh đạo cách mạng của Đảng qua các thời kỳ.
- Trình bày các phong trào cách mạng của quần chúng do Đảng tổ chức và lãnh đạo.
- Tổng kết những kinh nghiệm lịch sử.

## 3. Phương pháp nghiên cứu:

- Sử dụng các phương pháp phổ biến và đặc thù như: phương pháp lịch sử và lôgic, đồng đại và lịch đại, phân tích và tổng hợp, quy nạp và diễn dịch, cụ thể hoá và trừu tượng hoá,...

#### **4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn:**

- Nghiên cứu, học tập, nắm vững tri thức khoa học về lịch sử Đảng có ý nghĩa to lớn trong việc giáo dục phẩm chất chính trị, lòng trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam.
- Việc nghiên cứu học tập lịch sử Đảng có ý nghĩa to lớn trong việc giáo dục truyền thống cách mạng, giáo dục chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính, lòng tự hào đối với Đảng và đối với dân tộc Việt Nam.
- Việc nghiên cứu học tập lịch sử Đảng có tác dụng bồi dưỡng ý chí chiến đấu cách mạng, thôi thúc ở người học ý thức biết noi gương những người đi trước, tiếp tục cuộc chiến đấu để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **Chương 1: Sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam (1920-1930)**

### **Chương 2: Quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)**

### **Chương 3: Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (1945-1954)**

### **Chương 4: Đảng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)**

### **Chương 5: Cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc (1975-2002)**

# Chương 6: Ý nghĩa thắng lợi và những bài học lịch sử của Đảng Cộng Sản Việt Nam

## Tình hình thế giới và Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX

### 1. Tình hình thế giới và ảnh hưởng của nó đối với Việt Nam:

- Đến năm 1914, các nước đế quốc Anh, Nga, Pháp, Đức, Mỹ, Nhật chiếm một khu vực thuộc địa rộng 65 triệu km<sup>2</sup> với số dân 523,4 triệu người.

Sự thức tỉnh về ý thức dân tộc và phong trào đấu tranh dân tộc để tự giải phóng khỏi ách thực dân, lập lại các quốc gia dân tộc độc lập trên thế giới chịu tác động sâu sắc của chính sách xâm lược, thống trị của chủ nghĩa đế quốc thực dân.

- Đầu thế kỷ XX, trên phạm vi quốc tế, sự thức tỉnh của các dân tộc châu Á cùng với phong trào dân chủ tư sản ở Đông Âu bắt đầu từ Cách mạng 1905 ở Nga đã tạo thành một cao trào thức tỉnh của các dân tộc phương Đông. Hàng trăm triệu người hướng về một cuộc sống mới với ánh sáng tự do.
- Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, chủ nghĩa Mác-Lênin được truyền bá rộng rãi khắp nơi, dẫn đến sự ra đời của tổ chức đảng cộng sản ở nhiều nước như: Đảng Cộng sản Đức, Đảng Cộng sản Hunggari (1918), Đảng Cộng sản Mỹ (1919), Đảng Cộng sản Anh, Đảng Cộng sản Pháp (1920), Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Cộng sản Mông Cổ (1921), Đảng Cộng sản Nhật Bản (1922),...

- Tháng 03/1919, Quốc tế Cộng sản được thành lập. Tại Đại hội II của Quốc tế Cộng sản (1920), sơ thảo lần thứ nhất - Luận cương về dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin được công bố. Luận cương chỉ ra phương hướng đấu tranh giải phóng các dân tộc bị áp bức.

⇒ Tình hình thế giới đầy biến động đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến cách mạng Việt Nam.

## 2. Sự chuyển biến về kinh tế - xã hội ở Việt Nam:

Từ năm 1858, thực dân Pháp bắt đầu tiến công quân sự để chiếm Việt Nam. Sau khi đánh chiếm được nước ta, thực dân Pháp thiết lập bộ máy thống trị thực dân và tiến hành những cuộc khai thác nhằm cướp đoạt tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt và mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá.

- Về kinh tế:
  - Từ năm 1897, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành các chương trình khai thác với số vốn đầu tư trên quy mô lớn, tốc độ nhanh. Chúng nhằm vào hai trọng tâm là khai thác mỏ (chủ yếu là mỏ than) và đồn điền (chủ yếu là đồn điền cao su); phát triển một số ngành công nghiệp với nguyên tắc không cạnh tranh với công nghiệp chính quốc, ra sức phát triển giao thông vận tải, kể cả đường sắt, đường bộ và đường thủy để phục vụ các mục tiêu kinh tế và chính trị của chúng.
  - Do sự du nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, tình hình kinh tế Việt Nam có sự biến đổi: quan hệ kinh tế nông thôn bị phá vỡ, hình thành nên những đô thị mới, những trung tâm kinh tế và tụ điểm cư dân mới. Thực dân Pháp không du nhập một cách hoàn chỉnh phương thức tư bản chủ nghĩa vào nước ta. Bên cạnh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, chúng vẫn duy trì quan hệ kinh tế phong kiến.
- Về chính trị: Chúng tiếp tục thi hành chính sách chuyên chế với bộ máy đàn áp nặng nề: thi hành chính sách chia để trị rất thâm độc, chia nước ta làm ba kỳ, mỗi kỳ đặt một chế độ cai trị riêng và nhập ba kỳ đó với Lào và Campuchia để lập ra liên bang Đông Dương thuộc Pháp, xoá tên nước ta trên bản đồ thế giới.
- Về văn hoá: Chúng thi hành triệt để chính sách văn hoá nô dịch, gây tâm lý tự ti, vong bản, khuyến khích mê tín dị đoan, đồi phong bại tục. Chúng tìm mọi cách bưng bít và ngăn chặn ảnh hưởng của nền văn hoá tiến bộ trên thế giới vào Việt Nam và thi hành chính sách ngu dân để dễ bề thống trị.
- Về giai cấp: Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ảnh hưởng mạnh mẽ đến tình hình xã hội Việt Nam. Sự phân hoá giai cấp diễn ra ngày càng sâu sắc.
  - Giai cấp địa chủ phong kiến: Bị phân hoá thành ba bộ phận khá rõ rệt: tiểu, trung và đại địa chủ. Một số địa chủ bị phá sản. Một bộ phận không nhỏ tiểu và trung địa chủ có mâu thuẫn với đế quốc về quyền lợi nên đã tham gia đấu tranh chống thực dân và bọn phản động tay sai.
  - Giai cấp nông dân: Chiếm khoảng 90% dân số. Họ bị đế quốc, phong kiến địa chủ và tư sản áp bức, bóc lột rất nặng nề. Ruộng đất của nông dân bị bọn tư bản thực dân chiếm đoạt.

Bị mất nước và mất ruộng đất nên nông dân có mâu thuẫn với đế quốc và phong kiến. Giai cấp nông dân - một giai cấp có tinh thần cách mạng dồi dào,

lực lượng cách mạng to lớn - khi được tổ chức lại và có sự lãnh đạo của một đội tiên phong cách mạng, sẽ phát huy vai trò cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc.

- Giai cấp tư sản: Hình thành trong quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Ra đời trong điều kiện bị tư bản Pháp chèn ép, cạnh tranh rất gay gắt, nên số lượng tư sản Việt Nam không nhiều, thế lực kinh tế nhỏ bé, thế lực chính trị yếu đuối. Trong quá trình phát triển, giai cấp tư sản Việt Nam chia thành hai bộ phận:
- Tư sản mại bản: Là những tư sản xuất thân từ địa chủ lớn, hợp tác kinh doanh với đế quốc, bao thầu những công trình xây dựng của nước ta. Vì có quyền lợi kinh tế và chính trị gắn liền với đế quốc thực dân, nên tư sản mại bản đối lập với dân tộc.
- Tư sản dân tộc: Là bộ phận đông nhất trong giai cấp tư sản, gồm những tư sản xuất thân từ địa chủ vừa và nhỏ, thường hoạt động trong các ngành thương nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Có mâu thuẫn về quyền lợi với bọn đế quốc thực dân và phong kiến, nên họ có tinh thần đấu tranh chống đế quốc và phong kiến.
- Giai cấp tiểu tư sản: Gồm nhiều tầng lớp khác nhau: tiểu thương, tiểu thủ, thợ thủ công, viên chức, trí thức, học sinh, sinh viên và những người làm nghề tự do. Họ có tinh thần yêu nước nồng nàn, lại bị đế quốc và phong kiến áp bức, bóc lột và khinh rẻ nên rất hăng hái cách mạng. Giai cấp tiểu tư sản là một lực lượng cách mạng quan trọng trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc.
- Giai cấp công nhân: Là sản phẩm trực tiếp của chính sách khai thác thuộc địa của Pháp và nằm trong những mạch máu kinh tế quan trọng do chúng nắm giữ.

Giai cấp công nhân Việt Nam tuy còn non trẻ, số lượng chỉ chiếm khoảng 1% dân số, nhưng sống khá tập trung tại các thành phố, các trung tâm công nghiệp và các đồn điền.

Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm chung của giai cấp công nhân quốc tế, đồng thời còn có những đặc điểm riêng như: phải chịu ba tầng lớp áp bức bóc lột (đế quốc, phong kiến và tư sản bản xứ); phần lớn vừa mới từ nông dân bị bần cùng hoá mà ra nên có mối quan hệ gần gũi với nông dân.

Tóm lại: Chính sách thống trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam và cả Đông Dương nói chung là một chính sách thống trị chuyên chế về chính trị, độc quyền về kinh tế, kìm hãm và nô dịch về văn hoá, giáo dục... Dưới chính sách cai trị này, Việt Nam từ một quốc gia phong kiến độc lập trở thành một xã hội thuộc địa nửa phong kiến.

## Các phong trào yêu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

### 1. Các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản:

#### a. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến:

- Phong trào Cần vương (1885-1896), một phong trào đấu tranh vũ trang do Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết phát động, đã mở cuộc tiến công trại lính Pháp ở cạnh kinh thành Huế (1885). Mặc dù việc không thành và Hàm Nghi bị bắt, nhưng phong trào Cần Vương vẫn phát triển, nhất là ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ.
- Cùng thời gian này, các cuộc khởi nghĩa của nông dân Yên Thế cũng nổ ra do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Phong trào kéo dài đến năm 1913.

#### b. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng tư sản:

- Phong trào Đông Du: Phan Bội Châu chủ trương dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài, chủ yếu là Nhật Bản, để đánh Pháp giành độc lập dân tộc, thiết lập một nhà nước theo mô hình quân chủ lập hiến của Nhật.
- Phong trào Duy Tân: Phan Châu Trinh chủ trương dùng những cải cách văn hoá, mở mang dân trí, phát triển kinh tế theo hướng tư bản chủ nghĩa trong khuôn khổ hợp pháp, làm cho dân giàu, nước mạnh, buộc thực dân Pháp phải trao trả độc lập cho nước Việt Nam.

Do những hạn chế về lịch sử, về giai cấp, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và các sĩ phu cấp tiến lãnh đạo phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX không thể tìm được một phương hướng giải quyết đúng đắn cho cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc; vì vậy, chỉ sau một thời gian, các phong trào đã lần lượt bị thất bại.

- Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, với tinh thần dân tộc, dân chủ, giai cấp tư sản Việt Nam đã hăng hái bước lên vũ đài chính trị. Phong trào đấu tranh diễn ra sôi nổi, rộng lớn, thu hút đông đảo quần chúng với những hình thức phong phú.
  - Năm 1919-1923, xuất hiện phong trào quốc gia cải lương của bộ phận tư sản và địa chủ lớp trên.
  - Năm 1923, xuất hiện Đảng Lập hiến của Bùi Quang Chiêu ở Sài Gòn.
  - Năm 1925-1926, đã diễn ra phong trào yêu nước dân chủ công khai của tiểu tư sản thành thị và tư sản lớp dưới.
  - Năm 1927-1930, phong trào cách mạng quốc gia tư sản (1927-1930) gắn liền với sự ra đời và hoạt động của Việt Nam quốc dân đảng (25/12/1927).

Nhìn chung, các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đã diễn ra liên tục, sôi nổi, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với

những hình thức đấu tranh phong phú. Phong trào thể hiện ý thức dân tộc, tinh thần chống đế quốc của giai cấp tư sản Việt Nam, nhưng cuối cùng đều thất bại vì giai cấp tư sản Việt Nam rất nhỏ yếu cả về kinh tế và chính trị nên không đủ sức giương cao ngọn cờ lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc.

## **2. Nguyễn Ái Quốc tìm đường giải phóng dân tộc và phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản:**

Tháng 06/1911, Nguyễn Ái Quốc lên đường sang các nước phương Tây để tìm đường cứu nước. Người đã qua nhiều quốc gia trên thế giới, nhất là các nước tư bản phát triển như Mỹ, Pháp, Anh. Người nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn cách mạng đã có trên giới như cách mạng Mỹ, cách mạng Pháp, đồng thời tham gia lao động và đấu tranh trong hàng ngũ giai cấp công nhân và nhân dân lao động thuộc đủ các màu da. Người nhận thấy các cuộc cách mạng tư sản Mỹ và Pháp “chưa đến nơi” vì quần chúng nhân dân vẫn đói khổ.

- Cuối năm 1917, giữa lúc chiến tranh thế giới thứ nhất sắp đến ngày kết thúc, Người trở lại nước Pháp. Tại đây, Người lao vào cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Pháp, tham gia Đảng xã hội Pháp, lập ra Hội những người Việt Nam yêu nước với tờ báo Việt Nam hội để tuyên truyền giáo dục Việt kiều ở Pháp. Trong những ngày hoạt động cách mạng sôi nổi đó, cuộc cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 thành công làm chấn động toàn cầu. Với sự nhạy cảm chính trị đặc biệt, Người hướng đến ánh sáng của cách mạng tháng Mười và chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng của cuộc cách mạng vĩ đại đó.
- Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, các nước đế quốc thắng trận họp Hội nghị Vécxay (1919) để phân chia quyền lợi. Thay mặt những người Việt Nam yêu nước sống ở Pháp, Người lấy tên là Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị bản yêu sách đòi các quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Bản yêu sách đó không được Hội nghị Vécxay chú ý đến, nhưng được báo chí tiến bộ Pháp công bố rộng rãi và gây ảnh hưởng chính trị vang dội. Đó là đòn tiến công trực diện đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc vào bọn trùm đế quốc. Kết luận quan trọng mà Nguyễn Ái Quốc rút ra là: những lời tuyên bố dân tộc tự quyết của bọn đế quốc chỉ là trò bịp bợm; các dân tộc bị áp bức muốn được độc lập tự do thực sự, trước hết phải dựa vào lực lượng của bản thân mình, phải tự mình giải phóng cho mình.
- Sau cách mạng tháng Mười Nga, phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế phát triển mạnh mẽ, Quốc tế cộng sản do Lenin thành lập (1919) tuyên bố ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông. Tháng 07/1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lenin.

Tháng 12/1920, tại Đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở Tua (Tours), Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện đó đánh dấu bước ngoặt quyết định trong cuộc đời hoạt động chính trị của Người, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản. Bằng



thiên tài trí tuệ và hoạt động cách mạng của mình, Nguyễn Ái Quốc đã kịp thời đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử. Vượt qua sự hạn chế về tư tưởng của các sĩ phu và các nhà cách mạng có xu hướng tư sản đương thời, Nguyễn Ái Quốc đã đến với học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin và lựa chọn con đường cách mạng vô sản. Người nói: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”.

Từ khi trở thành người cộng sản, cùng với việc thực hiện những nhiệm vụ đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Nguyễn Ái Quốc xúc tiến mạnh mẽ việc nghiên cứu lý luận giải phóng dân tộc theo học thuyết cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác-Lênin để truyền bá vào nước ta, chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập chính đảng cộng sản ở Việt Nam.

Cuối năm 1921, tại Đại hội lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Pháp họp ở Mácxây, Nguyễn Ái Quốc trình bày dự thảo nghị quyết về vấn đề “chủ nghĩa cộng sản và các thuộc địa” và kiến nghị thành lập Ban nghiên cứu thuộc địa trực thuộc Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Pháp. Kiến nghị đó được chấp nhận. Năm 1922, Ban nghiên cứu thuộc địa được thành lập, Nguyễn Ái Quốc được cử làm trưởng tiểu ban nghiên cứu về vấn đề Đông Dương.

Nguyễn Ái Quốc viết nhiều bài đăng trên các báo Người cùng khổ, Nhân đạo của Đảng Cộng sản Pháp, báo Đời sống công nhân của Tổng liên đoàn lao động Pháp. Người viết tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp và được xuất bản lần đầu tiên ở Paris năm 1925. Bằng những dẫn chứng cụ thể, sinh động, tác phẩm đã tố cáo trước dư luận Pháp và thế giới những tội ác tày trời của bọn thực dân Pháp đối với các nước thuộc địa.

Chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù chung của giai cấp công nhân ở chính quốc và nhân dân lao động ở các thuộc địa. Cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản ở các nước chính quốc có mối liên hệ hữu cơ với nhau. Phải thực hiện sự hợp tác chặt chẽ với nhau để chống kẻ thù chung, vì chỉ có sự hợp tác này mới đảm bảo cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng.

Bản án chế độ thực dân Pháp đã vạch trần bản chất phản động của thực dân Pháp ở các nước thuộc địa, thức tỉnh tinh thần dân tộc, hướng nhân dân các nước thuộc địa tới con đường giải phóng dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản.

Tháng 06/1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp đi Mátxcova để tham dự Hội nghị Quốc tế nông dân, đồng thời trực tiếp học tập nghiên cứu kinh nghiệm cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Lênin. Năm 1924, Người tham gia Đại hội V của Quốc tế công hội đỏ, Quốc tế phụ nữ, Quốc tế thanh niên, Quốc tế cứu tế đỏ. Trong hai bản tham luận quan trọng đọc tại Hội nghị Quốc tế nông dân và Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã đề cập đến hai vấn đề lớn sau:

1. Tăng cường mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.

## 2. Vấn đề nông dân ở các nước thuộc địa.

Người thẳng thắn phê bình một số đảng cộng sản ở các nước tư bản chủ nghĩa đã coi nhẹ vấn đề thuộc địa, chưa biết kết hợp phong trào cách mạng ở chính quốc và cách mạng ở các nước thuộc địa để thành lập một mặt trận đấu tranh chung.

Ngày 11/11/1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc). Tại đây Người cùng các nhà cách mạng Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ, Thái Lan, Indônêxia, Malaixia, v.v., thành lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức.

Tháng 06/1925, Người sáng lập hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, hạt nhân là cộng sản đoàn. Cơ quan tuyên truyền của Hội là tuần báo Thanh niên. Đây là một bước chuẩn bị có ý nghĩa quyết định về mặt tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ năm 1925-1927, Người mở nhiều lớp huấn luyện chính trị tại Quảng Châu, đào tạo đội ngũ cán bộ cho cách mạng Việt Nam.

Đầu năm 1927, những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp đào tạo cán bộ ở Quảng Châu được Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức xuất bản thành sách với tên gọi là “Đường cách mệnh”. Trong tác phẩm này, Nguyễn Ái Quốc vạch ra những phương hướng cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Người nêu chân lý: “Muốn sống, phải làm cách mệnh”, “cách mệnh là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một, hai người”. Việc giải phóng dân tộc, chủ yếu là do nhân dân ta tự làm lấy, vì vậy phải làm cho mọi người Việt Nam hiểu rõ “vì sao làm cách mệnh”, “không làm không được”. Đường cách mệnh nhấn mạnh tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc; lực lượng cách mạng bao gồm “sỹ, nông, công, thương”, trong đó công nông là “chủ cách mệnh”, là “gốc cách mệnh”, còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị đế quốc áp bức, song không cực khổ bằng công nông nên ba hạng ấy chỉ là “bầu bạn cách mệnh của công nông”.

Đường cách mệnh đã chỉ ra rằng cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, vì vậy phải động viên, tổ chức và lãnh đạo đông đảo quần chúng vùng lên “đánh đuổi tụi áp bức đi”. Quần chúng một khi được giác ngộ, có tổ chức và lãnh đạo sẽ là lực lượng cách mạng vô địch.

Đường cách mệnh chỉ rõ: cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, cần được sự giúp đỡ của Quốc tế, nhưng “muốn người ta giúp cho thì trước hết mình phải tự giúp lấy mình đã”. Cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa quan hệ mật thiết với nhau và ảnh hưởng thúc đẩy nhau trong quan hệ bình đẳng.

Đường cách mệnh khẳng định: muốn đưa cách mạng đến thắng lợi, “trước hết phải có đảng cách mệnh. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Trong đảng phải có chủ nghĩa làm cốt,

ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo. Đảng thiếu chủ nghĩa như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”, “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”.

Đường cách mệnh dành một phần thích đáng để giới thiệu các tổ chức chính trị của Quốc tế cộng sản như công hội, nông hội, phụ nữ, thanh niên... và hướng dẫn nhân dân Việt Nam tham gia các tổ chức đó.

Đường cách mệnh đã trực tiếp chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho việc thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.

Sự ra đời và hoạt động của hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên có ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào cách mạng trong nước, làm cho khuynh hướng cứu nước giải phóng dân tộc theo con đường cách mệnh của Nguyễn Ái Quốc ngày càng chiếm ưu thế.

Năm 1928, hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thực hiện chủ trương “Vô sản hoá”, đưa hội viên vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền,... cùng sống và cùng làm việc với công nhân, đồng thời, cũng là phương thức truyền bá lý luận giải phóng dân tộc, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Sự truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước gắn liền với việc xây dựng các tổ chức cơ sở của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở nhiều trung tâm kinh tế, chính trị quan trọng. Số hội viên của Hội tăng nhanh. Năm 1928, có 300 hội viên, năm 1929, có 1.700 hội viên.

Việc truyền bá lý luận giải phóng dân tộc và tổ chức, vận động nhân dân đấu tranh đã đẩy lên một phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam ngày càng mạnh mẽ, đặc biệt là phong trào công nhân.

Cuộc đấu tranh của công nhân xuất hiện ngay từ khi giai cấp công nhân ra đời. Phong trào diễn với những hình thức sơ khai như bỏ trốn tập thể, phá giao kèo, đốt lán trại, đánh cái ký, đưa đơn phản kháng, rồi tiến dần lên những hình thức đấu tranh đặc thù của giai cấp như bãi công.

Phong trào công nhân những năm 1919-1925 đã có bước phát triển mới so với trước chiến tranh. Hình thức bãi công đã trở nên phổ biến, diễn ra trên quy mô lớn hơn và thời gian dài hơn.

Từ năm 1926 đến năm 1929, phong trào công nhân ngày càng phát triển với sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Điều đó chứng tỏ trình độ giác ngộ của công nhân đã nâng lên rõ rệt. Phong trào đang phát triển mạnh mẽ, có sức quy tụ và dẫn đầu phong trào yêu nước.

### **3. Các tổ chức cộng sản ở Việt Nam:**

Đến năm 1929, phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam đã phát triển mạnh, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo thống nhất của một đảng cách mạng.

Ngày 17/06/1929, tại nhà số 213 Khâm Thiên - Hà Nội, đại biểu các tổ chức cơ sở cộng sản ở miền Bắc họp Đại hội, quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ, quyết định xuất bản báo Búa Liềm và cử ra Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng.

An Nam Cộng sản Đảng ra đời vào tháng 8 năm 1929, An Nam Cộng sản Đảng họp Đại hội tại Sài Gòn để thông qua đường lối chính trị, Điều lệ Đảng và lập Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Sự ra đời của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng đã tác động mạnh mẽ đến sự phân hoá trong Tân Việt. Những đảng viên tiên tiến của Tân Việt đã tách ra thành lập các chi bộ cộng sản.

Tháng 9/1929, những người giác ngộ cộng sản chân chính trong Tân Việt cách mệnh Đảng trình trọng tuyên bố chính thức lập ra Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Chỉ trong bốn tháng, ở Việt Nam có ba tổ chức cộng sản ra đời. Điều đó chứng tỏ xu thế thành lập đảng cộng sản đã trở thành tất yếu của phong trào dân tộc ở Việt Nam.

## **Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng**

### **1. Hội nghị thành lập Đảng.**

Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của một đảng cộng sản thống nhất.

Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm về Hương Cảng. Với tư cách là phái viên của Quốc tế cộng sản - Người chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc). Hội nghị bắt đầu họp ngày 06/01/1930

Hội nghị hoàn toàn nhất trí tán thành việc hợp nhất hai tổ chức Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng thành một đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua Chính cương vắn tắt và sách lược vắn tắt của Đảng. Ngày 24/02/1930, theo yêu cầu của Đông Dương Cộng sản Liên Đoàn, Ban chấp hành Trung ương lâm thời họp và ra quyết nghị chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên Đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

### **2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng:**

Hội nghị thành lập Đảng đã thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và chương trình tóm tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Các văn kiện đó hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta. Nội dung cơ bản như sau:

- Xác định phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.
- Xác định những nhiệm vụ cụ thể của cách mạng:

- Về chính trị: Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập, dựng ra chính phủ công nông binh và tổ chức quân đội công nông.
- Về kinh tế: Tịch thu toàn bộ các sản nghiệp lớn của bọn đế quốc giao cho Chính phủ công nông binh; tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc làm của công và chia cho dân cày nghèo, mở mang công nghiệp và nông nghiệp, miễn thuế cho dân cày nghèo, thi hành luật ngày làm tám giờ.
- Về văn hóa, xã hội: Dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo hướng công nông hóa.

⇒ Những nhiệm vụ trên đây bao gồm cả hai nội dung dân tộc và dân chủ, chống đế quốc, chống phong kiến, song nổi lên hàng đầu là nhiệm vụ chống đế quốc giành độc lập dân tộc.

- Về lực lượng cách mạng, Đảng chủ trương tập hợp đại bộ phận giai cấp công nhân, nông dân và phải dựa vào hạng dân cày nghèo, lãnh đạo nông dân làm cách mạng ruộng đất; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông... đi vào phe vô sản giai cấp; đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít hơn mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến) thì phải đánh đổ.
- Lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân thông qua đảng cộng sản.
- Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là một Cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo theo con đường cách mạng Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, đáp ứng yêu cầu khách quan của lịch sử, nhuần nhuyễn quan điểm giai cấp và thấm đượm tinh thần dân tộc. Tiến hành cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để đi tới xã hội cộng sản là tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh này.

Nhờ sự thống nhất về tổ chức và có Cương lĩnh chính trị đúng đắn, ngay từ khi ra đời, Đảng đã quy tụ được lực lượng và sức mạnh của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam. Đảng trở thành lực lượng lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam.

### 3. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng:

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới, là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Sự ra đời của Đảng với hệ thống tổ chức chặt chẽ và Cương lĩnh cách mạng đúng đắn đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước ở nước ta; mở ra thời kỳ mới: đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Với sự ra đời của Đảng, cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

### **Câu hỏi thảo luận**

Sự chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập ĐCS ở Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc?

## **Phong trào cách mạng 1930-1935**

### **1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 10/1930. Luận cương chính trị của Đảng:**

#### **a. Hoàn cảnh lịch sử:**

- Sau Hội nghị thành lập Đảng, Cương lĩnh và điều lệ của Đảng được bí mật đưa vào quần chúng. Phong trào cách mạng phát triển mạnh và tiến dần lên thành cao trào.
- Tháng 04/1930, sau một thời gian học tập ở Liên Xô, đồng chí Trần Phú trở về nước, được bổ sung vào Ban Chấp hành lâm thời và được phân công cùng Ban Thường vụ Trung ương dự thảo Luận cương chính trị của Đảng.

Từ ngày 14 đến ngày 30/10/1930, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ nhất họp tại Hương Cảng, do đồng chí Trần Phú chủ trì thông qua Luận cương chính trị, Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ cần kíp của Đảng, Điều lệ Đảng và Điều lệ các tổ chức quần chúng.

#### **b. Nội dung Luận cương chính trị:**

- Về mâu thuẫn giai cấp: Mâu thuẫn diễn ra gay gắt “một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa”.
- Về tính chất cách mạng Đông Dương: Trong lúc đầu sẽ làm cách mạng tư sản dân quyền có tính chất thổ địa và phản đế. Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng. Sau khi tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục phát triển bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.
- Về nhiệm vụ cách mạng: Sự cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là đánh đổ các di tích phong kiến, thực hành thổ địa triệt để; tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau, trong đó “vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền”, là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.
- Về lực lượng cách mạng: “Giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó giai cấp vô sản là động

lực chính và mạnh, là giai cấp lãnh đạo cách mạng, nông dân là động lực mạnh của cách mạng”.

- Về phương pháp cách mạng: Lúc thường thì phải tùy theo tình hình mà đặt khẩu hiệu “phần ít”, phải lấy những sự chủ yếu hàng ngày làm bước đầu mà dắt vô sản giai cấp và dân cày ra chiến trường cách mạng. Đến lúc có tình thế cách mạng, Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chính phủ của địch, giành lấy chính quyền. Võ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, phải tuân theo khuôn phép nhà binh.
- Về lãnh đạo cách mạng: Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một đảng cộng sản có đường lối chính trị đúng, có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng và từng trải tranh đấu mà trưởng thành. Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nòng cốt.
- Về quan hệ quốc tế: Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới, vì thế, vô sản Đông Dương phải liên lạc mật thiết với vô sản thế giới, nhất là vô sản Pháp.

### c. Kết luận:

- Luận cương đã khẳng định lại nhiều vấn đề căn bản thuộc về chiến lược cách mạng ở nước ta mà Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt đã nêu như: mục đích, tính chất của cách mạng trong giai đoạn đầu là làm cách mạng tư sản dân quyền (tức cách mạng dân tộc dân chủ) với hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, nhằm thực hiện độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho nông dân. Cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ lập ra nhà nước công nông, sau đó chuyển thẳng sang làm cách mạng XHCN; giai cấp công nhân và giai cấp nông dân là hai lực lượng chính của cách mạng, trong đó giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo; cách mạng Việt Nam liên kết mật thiết với giai cấp vô sản các nước và các dân tộc thuộc địa.
- Hạn chế của Luận cương chính trị là: không vạch ra được mâu thuẫn chủ yếu của một xã hội thuộc địa là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với bọn thực dân Pháp và tay sai của chúng; do đó không đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu mà nặng về đấu tranh giai cấp. Luận cương không đề ra được một liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Pháp và tay sai. Luận cương chưa đánh giá đúng mức vai trò cách mạng của giai cấp tiểu tư sản; phủ nhận mặt tích cực của tư sản dân tộc; cường điệu mặt hạn chế của họ; chưa thấy được khả năng phân hoá và lôi kéo một bộ phận giai cấp địa chủ vừa và nhỏ trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.
- Hội nghị đã không đúng khi quyết định thủ tiêu Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và được Hội nghị hợp nhất thông qua.

## 2. Phong trào cách mạng những năm 1930 - 1935:

### a. Cao trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao Xô Viết Nghệ - Tĩnh:

- Ngày 01/05/1930, lần đầu tiên nhân dân ta tổ chức ngày Quốc tế lao động.
- Sau ngày 01 tháng 05, làn sóng đấu tranh tiếp tục dâng cao. Đến tháng 09, phong trào phát triển đến đỉnh cao với những hình thức đấu tranh quyết liệt. Cuộc biểu tình ngày 12 tháng 09 của 8.000 nông dân huyện Hưng Nguyên bị thực dân Pháp dùng máy bay ném bom làm chết 171 người đã làm cho phong trào cách mạng bùng lên dữ dội.

Trước sức mạnh của quần chúng, bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai ở nhiều huyện bị tê liệt, nhiều xã bị tan rã. Trước tình hình đó, các tổ chức đảng ở địa phương chủ động lãnh đạo các ban chấp hành Nông hội ở thôn, xã đứng ra quản lý mọi mặt đời sống xã hội ở nông thôn. Những “khu đồn” tự do được hình thành. Trên thực tế, trong các khu đồn tự do, chính quyền cách mạng của nông dân theo hình thức các ủy ban tự quản kiểu Xô Viết đã ra đời và đã thực hiện các biện pháp cách mạng về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội.

Sự ra đời của chính quyền công nông là một xu thế phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam. Nó thể hiện bản chất cách mạng và năng lực sáng tạo của nhân dân ta, chủ yếu là công, nông dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân.

#### **b. Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh khôi phục và phát triển phong trào cách mạng (1932-1935):**

- Tình hình sau cao trào cách mạng 1930-1931.
  - Đảng ta gặp nhiều khó khăn và tổn thất lớn: sau cao trào 1930-1931, thực dân Pháp ra sức khủng bố trắng và mở các phiên tòa đại hình xử 1.094 án, trong đó có 64 án tử hình, 114 án khổ sai, 420 án lưu đày biệt xứ. Bọn thực dân dùng mọi cực hình để giết hại các chiến sĩ cộng sản.
  - Trong hoàn cảnh bị khủng bố khốc liệt, đa số đảng viên của Đảng vẫn giữ vững khí tiết của người cộng sản: Trong thời gian bị giam giữ, các chiến sĩ cộng sản vẫn bí mật học tập nâng cao trình độ lý luận Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng, tổng kết kinh nghiệm vận động quần chúng. Nhiều tờ báo của các chi bộ nhà tù đã được ấn hành, góp phần mài sắc ý chí chiến đấu cho cán bộ, đảng viên.
  - Năm 1932, nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, đồng chí Lê Hồng Phong và một số đảng viên còn lại trong nước, ngoài nước đã tổ chức Ban lãnh đạo Trung ương Đảng. Tháng 06/1932, Ban lãnh đạo Trung ương công bố Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương. Chương trình hành động khẳng định: “Kinh nghiệm hai năm tranh đấu dạy ta rằng con đường giải phóng độc nhất chỉ là con đường võ trang tranh đấu của quần chúng”.

Chương trình hành động đề ra 4 yêu cầu trước mắt của đông đảo quần chúng:



1. Đòi các quyền tự do tổ chức, xuất bản, ngôn luận, đi lại trong nước và ra nước ngoài.
  2. Bỏ những luật hình đặc biệt đối với người bản xứ, trả lại tự do cho tất cả tù chính trị, bỏ ngay chính sách đàn áp, giải tán hội đồng đề hình.
  3. Bỏ thuế thân, thuế ngụ cư và các thứ thuế vô lý khác.
  4. Bỏ các độc quyền về rượu, thuốc phiện và muối.
- Lãnh đạo và tổ chức đấu tranh.
    - Trong hoàn cảnh mới, Đảng ta đã tổ chức các hội phổ thông công khai như hội cấy, hội gặt, hội đá bóng, hội đọc sách báo,... Thông qua những hình thức tổ chức này, Đảng lãnh đạo quần chúng đấu tranh hợp pháp với địch.
    - Đảng ta còn sử dụng báo chí hợp pháp để tuyên truyền đường lối cách mạng. Từ năm 1933 đến năm 1934, trên báo chí hợp pháp đã nổ ra tranh luận giữa hai quan điểm: nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh. Các đảng viên cộng sản đã có nhiều bài bút chiến giàu sức thuyết phục, nêu cao quan điểm nghệ thuật cách mạng - nghệ thuật phục vụ nhân sinh, xây dựng một xã hội mới công bằng và nhân bản.
    - Sự ủng hộ của Quốc tế cộng sản, của các Đảng cộng sản Liên Xô, Pháp,... lúc bấy giờ là nguồn cổ vũ to lớn đối với Đảng và nhân dân ta.

Từ ngày 14 đến ngày 26/06/1934, Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng và các đại biểu Đảng bộ trong nước họp Hội nghị khẳng định: mặc dù bị khủng bố ác liệt, Đảng vẫn tồn tại, tổ chức Đảng đã phục hồi và được tổ chức thêm ở nhiều nơi, ảnh hưởng của Đảng được mở rộng.

### 3. Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng (03/1935):

#### a. Hoàn cảnh lịch sử:

Đầu năm 1935, sau khi hệ thống tổ chức của Đảng được xây dựng và chấp nối lại từ cơ sở đến Trung ương, Ban lãnh đạo hải ngoại quyết định triệu tập Đại hội Đảng.

Đại hội tiến hành từ ngày 27 đến 31/03/1935 tại Ma Cao (Trung Quốc). Tham dự Đại hội có 13 đại biểu thuộc các Đảng bộ ở trong nước và hoạt động ở nước ngoài. Đại hội thừa nhận Cương lĩnh chính trị (10/1930) và Chương trình hành động (02/1932); khẳng định thắng lợi của cuộc đấu tranh để khôi phục tổ chức Đảng và phong trào cách mạng.

#### b. Nội dung Đại hội:

- Một là, củng cố và phát triển Đảng, tăng cường phát triển lực lượng Đảng ở các xí nghiệp, nhà máy, đồn điền. Đồng thời, phải đưa nông dân, lao động, trí thức cách mạng đã qua thử thách vào Đảng.
- Hai là, đẩy mạnh cuộc vận động thu phục quần chúng; chú ý các dân tộc ít người, phụ nữ, binh lính,... Củng cố và phát triển các tổ chức quần

chúng: Đoàn thanh niên cộng sản, cứu tế đỏ, Mặt trận thống nhất phản đế. Đại hội nhấn mạnh: “Thâu phục quảng đại quần chúng là nhiệm vụ trung tâm, căn bản, cần kíp của Đảng hiện thời”.

- Ba là, mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh, ủng hộ Liên Xô. Đại hội thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết vận động công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, binh lính; về công tác mặt trận phản đế; công tác vận động các dân tộc ít người; về đội tự vệ, đội cứu tế đỏ...

Qua 4 năm chống khủng bố trắng, khôi phục và phát triển phong trào, Đảng ta không những đứng vững mà còn được tôi luyện và trưởng thành. Đảng đã chuẩn bị đầy đủ điều kiện cho một cao trào cách mạng mới.

## Phong trào dân chủ (1936-1939)

### 1. Nguy cơ chiến tranh của chủ nghĩa phát xít và Đại hội lần thứ 7 của Quốc Tế Cộng Sản:

- Sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933, giai cấp tư sản lũng đoạn âm mưu dùng bạo lực để đàn áp phong trào đấu tranh trong nước và ráo riết chạy đua vũ trang chuẩn bị phát động một cuộc chiến tranh thế giới mới.
- Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và thắng thế ở một số nơi. Chúng thực hành chính sách xâm lược, bành trướng và nô dịch các nước khác. Chúng nuôi mưu đồ tiêu diệt Liên Xô và đẩy lùi phong trào cách mạng vô sản đang phát triển mạnh trong nước.
- Trước tình hình ấy, Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản đã được triệu tập tại Mátcova từ 25/07 đến 20/08/1935. Tham dự Đại hội có 65 đoàn đại biểu các Đảng cộng sản và công nhân, trong đó có đoàn Đại biểu Đảng cộng sản Đông Dương do đồng chí Lê Hồng Phong dẫn đầu. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đang học tập và nghiên cứu ở Liên Xô cũng được mời dự Đại hội.
- Đại hội vạch rõ những nhiệm vụ của nhân dân thế giới là chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình, bảo vệ Liên Xô. Để thực hiện nhiệm vụ đó, giai cấp công nhân phải thống nhất hàng ngũ của mình, lập Mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít và chống chiến tranh. Đối với các nước thuộc địa, nửa thuộc địa, Đại hội khẳng định: vấn đề Mặt trận thống nhất chống đế quốc có một tầm quan trọng đặc biệt. Đại hội đã thông qua Nghị quyết của Ban chấp hành Quốc tế cộng sản tháng 04/1931, công nhận Đảng cộng sản Đông Dương là bộ phận độc lập của Quốc tế cộng sản. Đồng chí Lê Hồng Phong được Đại hội bầu làm ủy viên chính thức Ban chấp hành Quốc tế cộng sản.

### 2. Chủ trương mới của Đảng:

Căn cứ tình hình thế giới, tình hình thực tế nước ta và căn cứ Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản, tháng 07/1936, đồng chí Lê Hồng Phong

triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng ở Thượng Hải (Trung Quốc) để xác định chủ trương mới của Đảng.

Hội nghị vạch rõ: “Nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến mà Đảng ta đề ra từ khi mới thành lập đến nay vẫn không thay đổi. Nhưng căn cứ vào tình hình mới, Hội nghị xác định mục tiêu trước mắt là đấu tranh chống phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do, cơm áo, hoà bình. Kẻ thù chủ yếu trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai. Do đó, tạm thời chưa nêu khẩu hiệu đấu tranh “Đánh đổ đế quốc Pháp” và khẩu hiệu “Tịch thu ruộng đất chia cho dân cày” mà nên “đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình”. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân thống nhất phản đế Đông Dương.

Về hình thức tổ chức và phương pháp đấu tranh, Hội nghị chủ trương triệt để lợi dụng những khả năng hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp để tuyên truyền, tổ chức quần chúng, đồng thời củng cố và phát triển tổ chức bí mật của Đảng; Kết hợp những hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp với hoạt động bất hợp pháp để phát triển tổ chức của Đảng và Mặt trận, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng.

Hội nghị Trung ương tháng 07/1936 đánh dấu sự trưởng thành của Đảng trong việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể trước mắt; giữa chủ trương mới và hình thức tổ chức đấu tranh mới; giữa củng cố khối liên minh công nông và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất; giữa phong trào cách mạng ở Đông Dương và cách mạng Pháp, cách mạng thế giới; giữa vấn đề độc lập dân tộc và vấn đề dân chủ.

Tuy vậy, Hội nghị vẫn chưa nêu được khẩu hiệu dân tộc thích hợp, chưa tìm được hình thức Mặt trận phù hợp với mục tiêu đấu tranh mới.

### **3. Lãnh đạo phong trào dân chủ, dân sinh (1936-1939):**

Chủ trương đòi tự do, cơm áo, hoà bình đã đáp ứng yêu cầu bức thiết của nhân dân, làm dấy lên một cao trào cách mạng mới trong cả nước.

Nhờ khéo lợi dụng các hình thức đấu tranh hợp pháp nên từ năm 1936 đến giữa năm 1939, phong trào quần chúng đấu tranh theo những khẩu hiệu đòi tự do dân chủ, cải thiện đời sống,... đã phát triển liên tục, rộng rãi khắp cả thành thị và nông thôn. Ngoài các yêu sách chung như: tự do hội họp, tự do đi lại, tự do báo chí, tự do tổ chức, bỏ thuế thân, thả hết tù chính trị,... mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp còn đưa ra những yêu sách riêng của mình.

Cùng với việc lãnh đạo đấu tranh về kinh tế và chính trị, Đảng chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền cổ động, đặc biệt là trên lĩnh vực báo chí công khai để tăng cường ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng.

Qua cao trào, Đảng đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ đông đảo, dày dặn trong đấu tranh, trưởng thành về tư tưởng chính trị và tổ chức, tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu.

Thắng lợi của Mặt trận dân chủ là thắng lợi của đường lối sáng suốt, quán triệt sâu sắc tinh thần cách mạng tiến công, biết lợi dụng triệt để những khả năng hợp pháp để tập hợp, động viên và tổ chức đội quân chính trị to lớn. Thắng lợi đó đã tạo ra lực lượng mới, trận địa mới cho cao trào cứu nước 1939-1945.

## Phong trào giải phóng dân tộc, khởi nghĩa giành chính quyền

### 1. Chính sách thống trị thời chiến của Pháp - Nhật ở Đông Dương:

Ngày 01/09/1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan. Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra đã ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp đến nước ta. Chính phủ phản động Pháp thực hiện chính sách đàn áp các lực lượng cộng sản và tiến bộ ở trong nước và ở các thuộc địa. Ở Đông Dương, thực dân Pháp điên cuồng tiến công Đảng cộng sản Đông Dương và các Đoàn thể quần chúng do Đảng lãnh đạo. Một số quyền tự do, dân chủ giành được trong thời kỳ 1936-1939 bị thủ tiêu. Đồng chí Lê Hồng Phong bị bắt vào cuối tháng 09/1939. Nhiều cán bộ, đảng viên bị bắt giam, tù đày. Hàng vạn thanh niên bị bắt lính đưa sang Pháp.

### 2. Chủ trương chiến lược mới của Đảng:

#### a. Hội nghị Trung ương lần VI (11/1939):

Đầu tháng 11/1939, Ban chấp hành Trung ương đã họp tại Bà Điểm, Gia Định.

Hội nghị nhận định: chế độ cai trị ở Đông Dương đã trở thành chế độ phát xít quân phiệt tàn bạo, mâu thuẫn chủ yếu gay gắt nhất là mâu thuẫn giữa đế quốc và các dân tộc Đông Dương; Hội nghị dự báo: Nhật sẽ vào Đông Dương và Pháp sẽ đầu hàng Nhật.

Hội nghị xác định mục tiêu trước mắt là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương bao gồm lực lượng chính là công nhân, nông dân, đoàn kết với tiểu tư sản thành thị và nông thôn, đồng minh hoặc trung lập tạm thời với giai cấp tư sản bản xứ, trung và tiểu địa chủ. Hội nghị cũng quyết định các chủ trương và biện pháp nhằm củng cố Đảng về mọi mặt, thực hiện sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng.

Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 11/1939 đã phát huy tinh thần sáng tạo, kịp thời nêu ra mục tiêu chiến lược tập trung mũi nhọn của cách mạng vào đế quốc và tay sai, chuẩn bị điều kiện giành chính quyền, đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng về chỉ đạo chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta.

Lợi dụng Pháp thua Đức, ngày 22/09/1940, quân đội Nhật Bản tiến vào Lạng Sơn và đổ bộ vào Hải Phòng. Ngày 23/09/1940, tại Hà Nội, Pháp ký hiệp định đầu hàng Nhật. Từ đó, nhân dân ta chịu cảnh một cổ hai tròng.

#### b. Hội nghị Trung ương lần VII (11/1940):

Từ ngày 06 đến ngày 09/11/1940, Hội nghị Trung ương Đảng họp tại Đình Bảng (Bắc Ninh). Hội nghị khẳng định sự đúng đắn của chủ trương chuyển hướng chỉ

đạo chiến lược của Hội nghị Trung ương Đảng lần VI (11/1939) và xác định kẻ thù chính của cách mạng lúc này là phát xít Pháp và Nhật. Hội nghị đã cử ra Ban chấp hành Trung ương lâm thời, phân công đồng chí Trường Chinh quyền Bí thư Trung ương Đảng, quyết định chấp nối liên lạc với Quốc tế cộng sản và bộ phận của Đảng ở ngoài nước. Hội nghị quyết định hai vấn đề cấp bách:

Một là: duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn, thành lập những đội du kích, khi cần thiết thì chiến đấu chống khủng bố, bảo vệ tính mạng, tài sản nhân dân, phát triển cơ sở cách mạng, tiến tới lập căn cứ địa du kích, lấy Bắc Sơn - Vũ Nhai làm trung tâm.

Hai là: chỉ thị cho Xứ uỷ Nam Kỳ hoãn ngay cuộc khởi nghĩa vì chưa đủ điều kiện bảo đảm cho khởi nghĩa thắng lợi.

### **c. Hội nghị Trung ương lần VIII (05/1941):**

Đầu năm 1940, đồng chí Nguyễn Ái Quốc bắt liên lạc với Đảng và chuẩn bị về nước. Ngày 08/02/1941, Người về Pắc Bó (Hà Quảng, Cao Bằng).

Từ ngày 10 – 19/05/1941, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã họp tại Pắc Bó do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Từ sự phân tích diễn biến của chiến tranh thế giới và tình hình trong nước, Hội nghị khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc.

Hội nghị khẳng định tính chất đúng đắn của chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất của Hội nghị Trung ương tháng 11/1939, tập trung mũi nhọn chống đế quốc và tay sai giành độc lập dân tộc, đồng thời nêu khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng. Hội nghị chỉ rõ, sau khi đánh đuổi đế quốc Pháp - Nhật, sẽ thành lập chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; Hội nghị quyết định thay tên Hội phần để thành Hội cứu quốc, thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh thay cho Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

Hội nghị xác định hình thái của khởi nghĩa ở nước ta là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa và kết luận: chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân.

Hội nghị đưa ra dự báo: nếu cuộc chiến tranh đế quốc lần trước đã để ra Liên Xô - một nước xã hội chủ nghĩa, thì cuộc chiến tranh đế quốc lần này sẽ để ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị đặc biệt nhấn mạnh công tác xây dựng Đảng nhằm làm cho Đảng có đủ năng lực lãnh đạo cuộc cách mạng Đông Dương đi đến toàn thắng, chủ trương gấp rút đào tạo cán bộ, chú trọng cán bộ lãnh đạo, cán bộ công vận, nông vận, binh vận, quân sự; tăng thành phần vô sản trong Đảng. Hội nghị đề ra nhiệm vụ giúp đỡ Đảng bộ Campuchia và Lào, cử ra Ban chấp hành Trung ương chính thức, bầu đồng chí Trường Chinh làm Tổng bí thư.

Hội nghị Trung ương Đảng lần VIII đã góp phần hoàn chỉnh đường lối chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta. Cùng với nghị quyết Hội nghị Trung ương lần VI, lần VII, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần VIII có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945.

### 3. Lãnh đạo phong trào chống Pháp - Nhật, chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang (1940-1945):

- Ngày 06/06/1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi thư kêu gọi toàn dân đoàn kết: “Hiện thời, muốn đánh pháp, Nhật ta chỉ cần một điều: Toàn dân đoàn kết”.
- Xây dựng lực lượng chính trị: Cuối tháng 10/1941, Việt Nam độc lập đồng minh công bố tuyên ngôn, chương trình và điều lệ. Tuyên ngôn của Mặt trận Việt Minh đã thu hút đông đảo đồng bào các dân tộc từ miền xuôi đến miền núi. Thông qua Mặt trận Việt Minh, Đảng mở rộng các tổ chức quần chúng và lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân, học sinh tiểu thương ở ngay các trung tâm kinh tế, chính trị.

Cuối năm 1941, các hội Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Tự vệ cứu quốc... đã được thành lập ở nhiều nơi. Ở Cao Bằng xuất hiện những xã, tổng toàn dân tham gia Việt Minh (“xã hoàn toàn”, “tổng hoàn toàn”). Lạng Sơn, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Tuyên Quang,... Việt Minh phát triển mạnh tại nhiều vùng nông thôn và thị xã.

Đảng thường xuyên quan tâm tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, nâng cao cảnh giác, ngăn ngừa bọn AB chui vào phá Đảng từ bên trong. Công tác đào tạo cán bộ được tiến hành qua các lớp huấn luyện ngắn ngày, các lớp bồi dưỡng công tác ở tất cả các cấp.

- Cuối tháng 02/1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên) chủ trương: mở rộng Việt Minh, liên minh với tất cả các Đảng phái, các nhóm yêu nước ở trong và ngoài nước chưa gia nhập Việt Minh; đẩy mạnh công tác vận động thanh niên, phụ nữ, dân tộc thiểu số và binh lính, chú ý vận động tư sản, địa chủ yêu nước; lập Hội văn hóa cứu quốc.

Hội nghị vạch ra kế hoạch cụ thể về chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, phổ biến kinh nghiệm khởi nghĩa và chiến thuật du kích, tổ chức và huấn luyện các đội tự vệ, các tiểu tổ du kích, đặc biệt coi trọng việc xây dựng lực lượng cách mạng ở thành thị, công tác vận động công nhân tham gia khởi nghĩa.

Hội nghị nêu rõ: để làm tròn nhiệm vụ trong giai đoạn mới, phải làm cho Đảng mạnh mẽ và “bôn-sê-vích hóa” vì chính sách lập Mặt trận của Đảng càng rộng rãi thì vai trò lãnh đạo của Đảng càng phải vững chắc.

- Xây dựng lực lượng vũ trang: Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp lãnh đạo được thành lập. Vài ngày sau, Đội đã đánh thắng hai trận đầu ở Phay Khắt, Nà Ngần (Cao Bằng), cổ vũ mạnh mẽ phong trào đánh Nhật đuổi Pháp.
- Để tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân ta, Đảng ta đã tranh thủ sự giúp đỡ của các lực lượng chống Nhật ở Trung Quốc và vận động Việt Kiều ở Trung Quốc tham gia

phong trào giải phóng dân tộc; tiếp xúc với đại diện lực lượng Mỹ tại Côn Minh để tranh thủ sự đồng tình đối với cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống phát xít Nhật.

#### **4. Cao trào kháng Nhật, cứu nước và tổng khởi nghĩa giành chính quyền (03/1945 - 08/1945):**

##### **a. Cao trào kháng Nhật, cứu nước:**

- Đêm 09/03/1945, Nhật tiến hành cuộc đảo chính lật đổ Pháp.
- Ngày 12 tháng 03, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp hội nghị mở rộng tại Đình Bảng do đồng chí Trường Chinh chủ trì. Hội nghị nhận định: sau đảo chính, phát xít Nhật là kẻ thù chính. Khẩu hiệu “Đánh đuổi Nhật - Pháp” trước đây được thay bằng khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật”. Hội nghị Trung ương phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa, tổ chức các đội du kích, thành lập căn cứ địa mới, thống nhất các chiến khu, thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng.
- Giữa lúc phong trào đang sục sôi khí thế cách mạng, nạn đói đã diễn ra nghiêm trọng ở các tỉnh đồng bằng Bắc bộ, Đảng đề ra khẩu hiệu: “Phá kho thóc của Nhật, giải quyết nạn đói”. Khẩu hiệu đã thổi bùng ngọn lửa cách mạng, đã đẩy lên được một cao trào cách mạng rộng lớn chưa từng có từ trước tới nay.
- Ngày 15/04/1945, Hội nghị quân sự Bắc Kỳ do Ban Thường vụ Trung ương triệu tập đã họp ở Hiệp Hoà (Bắc Giang). Hội nghị đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ cần kíp khác. Hội nghị quyết định thống nhất Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với Cứu quốc quân thành Việt Nam giải phóng quân.
- Ngày 16/04/1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị tổ chức Ủy ban dân tộc giải phóng các cấp; chuẩn bị thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam, tức Chính phủ cách mạng lâm thời. Đầu tháng 05/1945, Hồ Chí Minh từ Cao Bằng về Tuyên Quang, chọn Tân Trào làm căn cứ để chỉ đạo phong trào cách mạng cả nước.
- Theo Chỉ thị của Người, ngày 04/06/1945, khu giải phóng được thành lập bao gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, trở thành căn cứ địa cách mạng của cả nước. Trong tháng 5 và tháng 06/1945, các cuộc khởi nghĩa từng phần bùng nổ liên tục, hàng loạt chiến khu mới ra đời.
- Cao trào kháng Nhật, cứu nước bùng lên mạnh mẽ góp phần vào thắng lợi chung của Liên Xô và Đồng minh trong sự nghiệp chống chủ nghĩa phát xít. Ngày 09/05/1945, Đức ký văn bản đầu hàng Liên Xô và Đồng minh không điều kiện. Ngày 09/08/1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật, trong vòng một tuần lễ đã đánh tan đội quân Quan Đông, buộc Nhật phải đầu hàng vào ngày 13/08/1945 và kết thúc cuộc chiến tranh thế giới lần II.

##### **b. Tổng khởi nghĩa tháng 08/1945:**

- Từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 08/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng đã họp ở Tân Trào khẳng định: điều kiện tổng khởi nghĩa đã chín muồi, Đảng phải lãnh đạo toàn dân nổi dậy giành chính quyền trong cả nước trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương. Việc khởi nghĩa tiến hành theo nguyên tắc tập trung, thống nhất, kịp thời. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập do đồng chí Trường Chinh làm trưởng ban. Hội nghị đề ra đường lối đối nội, đối ngoại, kiện toàn Ban chấp hành Trung ương để thích ứng với tình hình mới. Được tin Nhật đầu hàng, ngay đêm 13/08/1945, Ủy Ban khởi nghĩa toàn quốc ra Quân lệnh số một hạ lệnh tổng khởi nghĩa.
- Ngày 16/08/1945, tại Tân Trào, Đại hội quốc dân khai mạc, gồm hơn 60 đại biểu Bắc Trung, Nam tham dự. Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng và 10 chính sách của Việt Minh; quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc do Hồ Chí Minh làm chủ tịch. Đại hội chọn ra Quốc kỳ, Quốc ca của nước Việt Nam mới.
- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, 25 triệu đồng bào ta đã nhất tề vùng dậy “đem sức ta mà giải phóng cho ta”. Sức mạnh như triều dâng thác đổ, cuốn sạch lũ cướp nước và bán nước, giành lại độc lập chủ quyền cho dân tộc.

## Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và kinh nghiệm lịch sử

### 1. Nguyên nhân thắng lợi:

#### a. Nguyên nhân khách quan:

Cách mạng tháng Tám thắng lợi nở ra trong bối cảnh quốc tế thuận lợi: kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta là phát xít Nhật đã bị Liên Xô và các lực lượng dân chủ thế giới đánh bại. Bọn Nhật ở Đông Dương và tay sai tan rã.

#### b. Nguyên nhân chủ quan:

- Cách mạng tháng Tám thắng lợi là kết quả tổng hợp của 15 năm đấu tranh của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã được rèn luyện qua 3 cao trào cách mạng rộng lớn: Cao trào 1930 -1931, Cao trào 1936 -1939, Cao trào 1945. Quần chúng cách mạng được Đảng tổ chức, lãnh đạo và rèn luyện bằng thực tiễn đấu tranh, trở thành lực lượng chính trị hùng hậu, có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.
- Cách mạng Tháng Tám thắng lợi là do Đảng ta đã chuẩn bị được lực lượng vĩ đại của toàn dân đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, dựa trên cơ sở liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- Đảng là người tổ chức và lãnh đạo cách mạng Tháng Tám thắng lợi vì Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, nắm đúng thời cơ và chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo, tạo nên sức mạnh tổng hợp áp đảo kẻ thù. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố chủ yếu nhất, quyết định thắng lợi của cách mạng tháng Tám.



## 2. Ý nghĩa lịch sử.

### a. Ý nghĩa trong nước:

- Với thắng lợi của cách mạng tháng Tám, nhân dân ta đã đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ trên đất nước ta, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế hàng ngàn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhà nước do nhân dân lao động làm chủ. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, nước ta từ một nước thuộc địa trở thành một đất nước độc lập. Đảng cộng sản Đông Dương từ chỗ hoạt động bí mật trở thành đảng cầm quyền và hoạt động công khai.
- Thắng lợi của cách mạng tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt trong lịch sử tiến hoá của dân tộc Việt Nam, mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập tự do.

### b. Ý nghĩa quốc tế:

- Thắng lợi của cách mạng tháng Tám đã chọc thủng một khâu quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời kỳ sụp đổ và tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ, góp phần cống hiến vào sự nghiệp giải trừ chủ nghĩa thực dân và giải phóng dân tộc trên thế giới.
- Thắng lợi của cách mạng tháng Tám đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc.
- Thắng lợi của cách mạng tháng Tám đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc.

## 3. Những kinh nghiệm lịch sử.

- Một là, Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, trong đó nhiệm vụ chống đế quốc là nhiệm vụ chủ yếu nhất, nhiệm vụ chống phong kiến phải phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc và được thực hiện từng bước với những khẩu hiệu thích hợp.
- Hai là, toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công - nông.
- Ba là, lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, cô lập cao độ kẻ thù chủ yếu là đế quốc và tay sai phản bội dân tộc, tranh thủ hoặc trung lập những phần tử lừng chừng, làm cho cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi nhanh, gọn, ít đổ máu.
- Bốn là, kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.
- Năm là, nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa - nghệ thuật chọn đúng thời cơ.
- Sáu là, xây dựng Đảng Mác-Lênin vững mạnh đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

## Câu hỏi thảo luận

Tiến trình nhận thức và phát triển về lý luận đường lối chủ trương cách mạng Việt Nam của Đảng thời kỳ 1930-1945.

Lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền, chuẩn bị kháng chiến trong cả nước (1945-1954)

## **1. Tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” của chính quyền cách mạng và chủ trương kháng chiến, kiến quốc của Đảng:**

a. Tình hình nước ta sau cách mạng tháng Tám:

· **Khó Khăn:**

- Giặc ngoài, thù trong:
  - Phía Bắc (từ vĩ tuyến 16 trở ra): 20 vạn quân Tưởng vào chiếm đóng, kéo theo chúng là các tổ chức phản động tay sai Việt quốc, Việt cách.
  - Phía Nam (từ vĩ tuyến 16 trở vào): gần 10 vạn quân Anh, Pháp lần lượt vào nước ta. Ngày 23/09/1945, quân Anh đồng loã và tiếp tay cho thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn, Nam Bộ và các tỉnh Nam Trung bộ.
  - 06 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp.
  - Các tổ chức phản động Việt Quốc, Việt Cách, Đại Việt ráo riết hoạt động. Chúng ra sức lật đổ chính quyền cách mạng ở một số nơi và dựng lên chính quyền phản động ở Móng Cái, Yên Bái, Vĩnh Yên,...
- Kinh tế:
  - Ruộng đất bỏ hoang, công nghiệp đình đốn, nguy cơ nạn đói lần hai đang đe dọa.
  - Kho bạc chỉ còn 1,2 triệu đồng, quá nửa là tiền rách.
  - Ngân hàng Đông Dương còn nằm trong tay tư bản Pháp.
  - Quân Tưởng tung tiền Quan kim vỡ vét hàng hoá làm rối loạn thị trường.
- Văn hóa: 95% dân số mù chữ, các tệ nạn của chế độ cũ còn lại rất nặng nề.
- Ngoại giao: Nước VNDCCH chưa được các nước trên thế giới thừa nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

· **Thuận lợi:**

- Nhân dân từ thân phận nô lệ trở thành người chủ đất nước, tin tưởng và ủng hộ Việt Minh, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Chính quyền nhân dân được thành lập có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở.
- Lực lượng vũ trang nhân dân đang phát triển.
- Đảng đã trưởng thành và trở thành đảng cầm quyền.
- Toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng trong Mặt trận dân tộc thống nhất, quyết tâm giữ vững nền độc lập tự do của dân tộc.

⇒ Khó khăn lớn hơn thuận lợi. “Tổ quốc đang lâm nguy, vận mệnh dân tộc như ngàn cân treo sợi tóc”.

#### **b. Chỉ thị kháng chiến, kiến quốc (25/11/1945) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng:**

- Xác định tính chất của cách mạng Đông Dương: Vẫn là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Cuộc cách mạng ấy đang tiếp diễn, chưa hoàn thành vì nước ta chưa độc lập hoàn toàn. Chỉ thị đề ra khẩu hiệu: “Dân tộc trên hết”, “Tổ quốc trên hết”.
- Phân tích từng kẻ thù, chỉ ra kẻ thù chính: Là thực dân Pháp xâm lược.
  - Anh: Quân Anh có mặt từ rất sớm vì sợ ảnh hưởng của cách mạng Việt Nam lan đến các thuộc địa của Anh. Hơn nữa, nhân dân Anh đang phản đối, đòi quân Anh rút khỏi Sài Gòn. Anh không phải là kẻ thù chính.
  - Tưởng: Vào Đông Dương để kiếm lợi, lại đang cần tập trung lực lượng đối phó với cách mạng Trung Quốc. Tưởng có thể nhượng Đông Dương cho Pháp nếu Pháp nhượng cho chúng một số quyền lợi. Tưởng không phải là kẻ thù chính.
  - Bọn Việt Quốc, Việt Cách, Đại Việt là tay sai, dựa vào đế quốc. Chúng không phải là kẻ thù chính.
  - Mỹ: Muốn chiếm Đông Dương, nhưng cần lôi kéo Anh, Pháp để chống Liên Xô nên có thể hi sinh quyền lợi bộ phận ở Đông Nam Á. Mỹ chưa phải là kẻ thù chính.
  - Pháp: Chính phủ Pháp tuyên bố trở lại xâm lược Đông Dương lần thứ hai. Ngày 23/09/1945, Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ nhằm thực hiện ý đồ trên. Thực dân Pháp là kẻ thù chính, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng. Phải lập Mặt trận dân tộc thống nhất, thống nhất Mặt trận Việt - Miên - Lào chống Pháp xâm lược.
- Nhiệm vụ của nhân dân cả nước: Củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân.
- Để thực hiện các nhiệm vụ trên, Trung ương đề ra các công tác cụ thể về nội chính, quân sự, ngoại giao.
  - Về nội chính; xúc tiến bầu cử Quốc hội, thành lập chính phủ chính thức, lập Hiến pháp, củng cố chính quyền nhân dân.
  - Về quân sự: động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo kháng chiến lâu dài.
  - Về ngoại giao: Kiên trì nguyên tắc bình đẳng, tương trợ, thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu “Hoa - Việt thân thiện” đối với Tưởng, chủ trương “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế” đối với Pháp.

Chỉ thị giải quyết kịp thời nhiều vấn đề quan trọng về chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng khôn khéo trong tình thế vô cùng hiểm nghèo của nước nhà.

## **2. Xây dựng chế độ dân chủ cộng hòa và tổ chức kháng chiến ở miền Nam.**

#### a. Xây dựng chế độ Dân chủ cộng hòa:

- Chính trị - quân sự:
  - Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (06/01/1946).
  - Thành lập chính phủ liên hiệp (02/03/1946).
  - Thông qua Hiến pháp (09/11/1946).
  - Thành lập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, gọi tắt là Liên - Việt (05/1946).
  - Xây dựng và phát triển các tổ chức quần chúng.
  - Quân sự hóa toàn dân, phát triển lực lượng vũ trang. Cuối năm 1946, quân đội thường trực mang tên Quân đội quốc gia Việt Nam có 8 vạn, dân quân tự vệ có gần 1 triệu người.
  - Ra sắc lệnh giải tán tổ chức Đại Việt (05/09/1945) và lập toà án quân sự trừng trị bọn phản cách mạng.
- Về kinh tế:
  - Tổ chức cứu đói và kêu gọi tăng gia sản xuất.
  - Bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý, chia ruộng công và giảm tô 25%.
  - Vận động quyên góp “Tuần lễ vàng” (được 370 kg), “Quĩ độc lập” (20 triệu đồng) và phát hành tiền Việt Nam. Từng bước xây dựng nền tài chính độc lập.
- Về văn hóa - giáo dục:
  - Phát động phong trào bình dân học vụ. Trong một năm đã có thêm 2,5 triệu người biết đọc, biết viết.
  - Xây dựng “Đời sống mới”, bài trừ các tệ nạn xã hội.

#### b. Tổ chức kháng chiến ở miền Nam:

- Đảng bộ Nam bộ đã có những quyết định quan trọng lãnh đạo nhân dân kháng chiến, thành lập Ủy ban kháng chiến và phát triển chiến tranh nhân dân.
- Trung ương Đảng cử một phái đoàn do đồng chí Hoàng Quốc Việt và nhiều cán bộ tăng cường cho Nam bộ để cùng Đảng bộ Nam bộ chỉ đạo kháng chiến.
- Đảng phát động phong trào cả nước hướng về Nam bộ. Hàng vạn thanh niên nô nức lên đường Nam tiến.

### 3. Thực hiện chính sách hoà hoãn, tranh thủ thời gian chuẩn bị toàn quốc kháng chiến:

a. Hoà với Tưởng (09/1945 - 06/03/1946): tập trung thực lực chống thực dân Pháp, hạn chế sự phá hoại của Tưởng và tay sai.

- Những nhân nhượng:
  - Cung cấp lương thực nuôi quân Tưởng.
  - Thêm 70 ghế trong Quốc hội và ½ ghế trong Chính phủ cho bọn Việt Quốc, Việt cách.

- Ngày 11/11/1945, Đảng tuyên bố “tự giải tán” (thực chất là rút vào hoạt động bí mật), Đảng để lại một bộ phận hoạt động công khai dưới danh hiệu Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác.
- Những nguyên tắc:
  - Đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng.
  - Giữ vững chính quyền cách mạng.
  - Nắm chắc công cụ bạo lực cách mạng (quân đội và công an).
- Kết quả:
  - Tưởng chấp nhận sự tồn tại của chính quyền cách mạng.
  - Ta có điều kiện dồn sức để tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam bộ.
  - Hạn chế đến mức tối đa sự đánh phá của Tưởng và bọn phản động ở miền Bắc nước ta.
  - Tranh thủ thời gian hoà hoãn để phát triển sản xuất cải thiện đời sống nhân dân.

**b. Hoà với Pháp (06/03/1946 - 12/1946): để đuổi Tưởng và tranh thủ thời gian cần thiết để củng cố, chuẩn bị lực lượng.**

- Ngày 28/02/1946, Pháp và Tưởng ký Hiệp ước Hoa - Pháp ở Trùng Khánh.
- Ngày 06/03/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với đại diện Chính phủ Pháp Hiệp định Sơ Bộ với nội dung cụ thể như sau:
  - Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là quốc gia tự do nằm trong khối liên hiệp Pháp.
  - Ta chấp nhận 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân Tưởng. Sau 5 năm phải rút hết về nước; hai bên đình chỉ xung đột ở miền Nam và mở cuộc đàm phán để đi đến ký hiệp định chính thức.
- Hội nghị trù bị ở Đà Lạt (04/1946) và Hội nghị ở Fontenebleau (07/09/1946) không đạt kết quả. Ngày 14/09/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với chính phủ Pháp bản Tạm ước thoả thuận một số điều về quan hệ kinh tế, văn hoá giữa hai nước.

**4. Những kinh nghiệm lịch sử của thời kỳ 1945-1946:**

- Phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân để vượt qua khó khăn và giữ vững chính quyền.
- Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, chia mũi nhọn cách mạng vào kẻ thù chính, hoà hoãn với kẻ thù có thể hoà hoãn.
- Tận dụng khả năng hoà hoãn để xây dựng lực lượng, củng cố chính quyền nhân dân, sẵn sàng ứng phó với khả năng chiến tranh lan ra cả nước.

Lãnh đạo toàn quốc kháng chiến (1946-1950)

## 1. Phát động toàn quốc kháng chiến và đường lối kháng chiến của Đảng:

- Sau khi đưa quân ra Bắc, thực dân Pháp mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược trên qui mô lớn và quyết liệt hơn. Ngày 20/11/1946, chúng chiếm Hải Phòng, thị xã Lạng Sơn, Đà Nẵng,... Ngày 17 và 18/12/1946, chúng gây ra vụ thảm sát ở phố Yên Ninh và phố Hàng Bún. Ngày 18/12, chúng gửi tối hậu thư đòi tước vũ khí của tự vệ Hà Nội, đòi kiểm soát an ninh trật tự Thủ đô và đe dọa sẽ hành động vào sáng 20/12/1946.
- Không thể nhân nhượng thêm nữa, ngày 18 và 19/12/1946, Ban thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng ở Vạn Phúc (Hà Đông), quyết định toàn quốc kháng chiến. 20 giờ đêm 19/12/1946, mệnh lệnh được phát đi, cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu, chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến.
- Đường lối kháng chiến được thể hiện trong chỉ thị Toàn dân kháng chiến (12/1946) của Đảng. Sau đó được phát triển trong tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi (1947) của đồng chí Trường Chinh - Tổng bí thư Đảng. Tác phẩm nêu rõ:
  - Mục tiêu của kháng chiến: đánh bại thực dân phản động Pháp xâm lược nhằm giành độc lập và thống nhất.
  - Tính chất của kháng chiến: Dân tộc giải phóng và dân chủ mới.
  - Đường lối chung của kháng chiến là toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính. (phân tích)
  - Nhiệm vụ của kháng chiến: Giải quyết vấn đề dân tộc và dân chủ. Giải phóng dân tộc là yêu cầu cấp thiết. Trọng tâm cải cách dân chủ là từng bước thực hiện người cày có ruộng.

Như vậy, điều cơ bản có tính chất quyết định khi mở đầu kháng chiến đã được tiến hành: phát động kháng chiến đúng lúc và xác định về cơ bản đường lối kháng chiến.

## 2. Tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

- Từ tháng 12/1946 đến chiến thắng Việt Bắc (Thu Đông 1947):
  - Đánh bại chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp, bảo vệ an toàn các cơ quan Đảng, Chính phủ, Mặt trận,... ở căn cứ Việt Bắc.
  - Thực dân Pháp phải chuyển sang chiến lược đánh lâu dài “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt trị người Việt” và tranh thủ sự giúp đỡ của Mỹ.
- Chiến thắng Biên Giới (1950):
  - Thắng lợi vượt xa so với dự kiến; ta diệt và bắt sống 8.300 địch. Vùng giải phóng được mở rộng và nối liền với các nước XHCN.
  - Các nước XHCN bắt đầu công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nhà nước ta.

- Cuộc kháng chiến của ta chuyển từ chiến tranh du kích lên chiến tranh chính quy, kết hợp chiến tranh chính quy và chiến tranh du kích ở trình độ cao hơn.

Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng, Đảng lãnh đạo đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951-1954)

## **1. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (02/1951) và Chính cương Đảng lao động Việt Nam:**

### **a. Hoàn cảnh tiến hành Đại hội:**

Sang năm 1951, tình hình quốc tế và cục diện chiến trường Đông Dương có thay đổi lớn:

- Sự hình thành và lớn mạnh của các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, đã làm thay đổi căn bản tương quan lực lượng trên chiến trường quốc tế có lợi cho hoà bình và cách mạng.
- Cuộc kháng chiến của nhân dân 3 nước Đông Dương giành được những thắng lợi quan trọng.
- Đế quốc Mỹ trực tiếp can thiệp vào Đông Dương, vừa giúp Pháp, vừa tìm cơ hội để hất Pháp.
- Thực tiễn của cuộc kháng chiến đòi hỏi Đảng phải ra hoạt động công khai để lãnh đạo kháng chiến.

⇒ Đại hội Đảng lần II được tiến hành tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang từ ngày 11 đến ngày 19/02/1951.

### **b. Nội dung Đại hội:**

- Tách Đảng bộ ba nước thành ba Đảng riêng. Đảng ta lấy tên là Đảng lao động Việt Nam.
- Thông qua các văn kiện quan trọng, đặc biệt là Báo cáo chính trị và Chính cương Đảng lao động Việt Nam.
  - Nội dung của Báo cáo chính trị:
    - Tổng kết phong trào cách mạng thế giới và phong trào cách mạng Việt Nam; dự báo những triển vọng tốt đẹp của nửa thế kỷ sau, rút ra bài học trong 21 năm hoạt động của Đảng.
    - Khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn và bảo vệ hòa bình thế giới.
    - Những chính sách và biện pháp tích cực để hoàn thành nhiệm vụ trên: tăng cường lực lượng vũ trang, củng cố các đoàn thể quần chúng, thi đua ái quốc, thi hành chính sách kinh tế thời chiến, thực hiện chính sách ruộng đất, thành lập

Mặt trận đoàn kết Việt Nam, Lào, Campuchia, tăng cường đoàn kết quốc tế, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng.

- Nội dung cơ bản của Chính cương Đảng lao động Việt Nam:
  - Xã hội Việt Nam hiện nay gồm có 3 tính chất: “dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến”.
  - Mâu thuẫn chủ yếu lúc này là mâu thuẫn giữa tính chất DCND với tính chất thuộc địa.
  - Cách mạng Việt Nam có hai đối tượng: Đối tượng chính là đế quốc xâm lược, cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động.
  - Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam: Đánh đổ đế quốc Pháp xâm lược giành độc lập thống nhất thực sự cho dân tộc; Xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến làm cho người cày có ruộng; phát triển chế độ dân chủ nhân dân.

Ba nhiệm vụ trên quan hệ khăng khít nhau. Nhiệm vụ chính trước mắt là hoàn thành giải phóng dân tộc.

- Xác định động lực của cách mạng Việt Nam: tất cả giai cấp, tầng lớp yêu nước trên nền tảng khối liên minh công - nông và lao động trí thức do giai cấp công nhân lãnh đạo.
- Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương (19 chính thức, 10 dự khuyết). Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư.

## **2. Đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi:**

### **a. Các hội nghị Trung ương.**

- Hội nghị Trung ương I (03/1951): Giải quyết các nhiệm vụ kinh tế, tài chính; thực hiện phương châm tác chiến là tiêu diệt địch, phát triển lực lượng ba thứ quân; tăng cường công tác địch vận.
- Hội nghị Trung ương II (09/1951): Bàn tình hình và nhiệm vụ chung, về công tác củng cố nội bộ, về nhiệm vụ kinh tế tài chính trước mắt, về công tác vùng địch chiếm đóng.
- Hội nghị Trung ương III (04/1952): quyết định chỉnh Đảng, chỉnh quân.
- Hội nghị Trung ương IV (01/1953) và V (11/1953): Chủ trương triệt để giảm tô và tiến hành cải cách ruộng đất trong kháng chiến.

### **b. Lãnh đạo xây dựng lực lượng kháng chiến về mọi mặt:**

- Chính trị: Củng cố chính quyền và các tổ chức quần chúng. Tháng 03/1951, hợp nhất Mặt trận Việt Minh và Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt và thành lập khối liên minh nhân dân ba nước Việt - Lào -



Campuchia trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tương trợ và tôn trọng chủ quyền của nhau.

- Kinh tế: Phát triển sản xuất nhất là sản xuất lương thực, ban hành thuế nông nghiệp, thuế xuất nhập khẩu, thuế hàng hoá. Năm 1951, thành lập ngân hàng Quốc gia Việt Nam và mậu dịch quốc doanh. Năm 1953, lần đầu tiên trong kháng chiến việc thu chi ngân sách được cân bằng.
- Thực hiện chính sách ruộng đất: Từng bước đem quyền lợi ruộng đất cho nông dân. Đầu năm 1953, Đảng quyết định triệt để giảm tô. Tháng 11/1953, thông qua Cương lĩnh ruộng đất và thực hiện cải cách ruộng đất ở vùng tự do.
- Xây dựng lực lượng vũ trang: Đến giữa năm 1954, bộ đội chủ lực của ta có 6 đại đoàn bộ binh, một đại đoàn công binh - pháo binh và nhiều trung đoàn bộ binh trực thuộc Bộ Tổng tư lệnh và các liên khu. Lực lượng vũ trang tập trung có khoảng 33 vạn người.
- Phong trào đấu tranh ở sau lưng địch: Tiếp tục phát triển với nhiều hình thức phong phú: đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị kết hợp chặt chẽ với đấu tranh vũ trang, vừa tiến công địch, vừa chống địch càn quét.
- Xây dựng Đảng: Trong hai năm 1952-1953, Đảng tiến hành cuộc vận động chỉnh Đảng, chỉnh quân nhằm nâng cao năng lực mọi mặt cho cán bộ, Đảng viên và chiến sĩ; khắc phục một bước những lệch lạc "tả" khuynh và hữu khuynh.

#### **c. Chi đạo đấu tranh vũ trang:**

Sau chiến dịch Biên Giới (1950), ta giành quyền chủ động, tiến hành những trận đánh và chiến dịch lớn, đẩy Pháp lún sâu vào phòng ngự, bị động, tiêu biểu là chiến thắng Hoà Bình (cuối năm 1951, đầu năm 1952), chiến dịch Tây Bắc (từ ngày 04/10 đến ngày 30/12/1952), chiến dịch Thượng Lào (04/1953), đỉnh cao là chiến dịch Đông - Xuân 1953-1954 và chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).

#### **d. Hiệp định Giơ-ne-vơ và cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi:**

Hội nghị Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương diễn ra từ ngày 08 tháng 05 đến ngày 20/07/1954. Trải qua 8 phiên họp toàn thể và 23 phiên họp riêng, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết với các nội dung cơ bản:

Ngừng bắn trên toàn bán đảo Đông Dương. Pháp rút quân.

Các nước tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời. Đến tháng 07/1956, sẽ tổng tuyển cử tự do để thống nhất đất nước.

Ở Lào, lực lượng kháng chiến có khu tập kết ở hai tỉnh Sầm - Nưa và Phong-Sa-Lỳ.

Ở Campuchia, lực lượng kháng chiến không có khu tập kết và phục viên tại chỗ.

Hiệp định Giơ-ne-vơ là thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam: kết thúc 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định đã góp phần giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện để miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

### **3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và những kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống pháp.**

#### **a. Nguyên nhân thắng lợi:**

- Sự lãnh đạo vững vàng của Đảng.
- Sự đoàn kết chiến đấu của toàn dân tập hợp trong Mặt trận thống nhất rộng rãi - Mặt trận Liên Việt.
- Có lực lượng vũ trang ba thứ quân.
- Có chính quyền dân chủ nhân dân.
- Có liên minh chiến đấu keo sơn giữa ba dân tộc Việt - Lào - Campuchia và từ năm 1950, có sự đồng tình và giúp đỡ của các nước XHCN, sự ủng hộ tích cực của các lực lượng tiến bộ thế giới.

#### **b. Ý nghĩa lịch sử:**

- Nhân dân ta đã bảo vệ và phát triển thành quả của cách mạng tháng Tám, chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của thực dân Pháp.
- Giải phóng hoàn toàn miền Bắc, hoàn thành cuộc cách mạng DTDCND trên nửa nước.
- Cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc bị nô dịch vùng lên chống chủ nghĩa đế quốc. Mở đầu thời kỳ sụp đổ từng mảng của chủ nghĩa thực dân cũ.

#### **c. Những kinh nghiệm lịch sử:**

- Xác định đúng và quán triệt đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân.
- Kết hợp chặt chẽ và đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc với nhiệm vụ chống phong kiến, trong đó chủ yếu là nhiệm vụ chống đế quốc.
- Vừa kháng chiến, vừa xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến.
- Quán triệt tư tưởng chiến lược kháng chiến gian khổ và lâu dài, chủ động đề ra và thực hiện phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự sáng tạo.
- Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh.

### **Câu hỏi thảo luận**

Đối sách của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bác trong cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài.

## Chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng

### 1. Đặc điểm đất nước ta sau tháng 07/1954:

- Chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau:
  - Miền Bắc: được hoàn toàn giải phóng, những nhiệm vụ còn lại của cuộc cách mạng DTDCND được gấp rút hoàn thành, tạo tiền đề cho bước phát triển tiếp theo - tiến lên theo định hướng XHCN.
  - Miền Nam: Mỹ nhảy vào thay Pháp, dựng lên chính quyền tay sai, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng. Mỹ - Diệm tiến hành cuộc chiến tranh đơn phương đẫm máu chống lại nhân dân miền Nam.
- Được sự viện trợ và giúp đỡ của các nước XHCN, sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Song, trong phong trào Cộng sản quốc tế đang xuất hiện những bất đồng lớn; nhiều nước đánh giá cao Mỹ, khuyên ta nên kiềm chế.

### 2. Chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên CNXH và tiếp tục thực hiện CMDTDCND ở miền Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (09/1960).

#### a. Chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên CNXH:

- Hội nghị Bộ Chính Trị (09/1954): Đề ra nhiệm vụ chủ yếu của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh; khôi phục kinh tế, trước hết là sản xuất nông nghiệp, ổn định xã hội, tăng cường và mở rộng quan hệ quốc tế, ...
- Hội nghị BCH TƯ VII (03/1955) và lần thứ VIII (08/1955) khóa II nhận định: Điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Để củng cố miền Bắc, trước hết, cần hoàn thành cải cách ruộng đất, chia ruộng đất cho nông dân, xóa bỏ chế độ sở hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ; đưa miền Bắc tiến dần từng bước lên CNXH, kiện toàn lãnh đạo các cấp và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất.

- Hội nghị BCH TƯ XIII (12/1957): Đánh giá thắng lợi về khôi phục kinh tế và đề ra nhiệm vụ soạn thảo đường lối cách mạng trong giai đoạn mới.
- Hội nghị BCH TƯ XIV (11/1958): Đề ra kế hoạch ba năm phát triển kinh tế - văn hoá và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh.
- Hội nghị BCH TƯ XVI (04/1959): Thông qua hai nghị quyết quan trọng về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Miền Bắc được củng cố, từng bước đi lên CNXH, trở thành hậu phương vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

#### **b. Tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam:**

- Hội nghị BCH TƯ lần thứ VI (07/1954): Chỉ rõ đế quốc Mỹ là kẻ thù chính nên mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ.
- Nghị quyết BCT tháng 09/1954: Nêu lên ba nhiệm vụ cụ thể trước mắt của cách mạng miền Nam là : đấu tranh đòi thi hành Hiệp định, chuyển hướng công tác cho phù hợp với điều kiện mới, tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình, thống nhất,... đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền bù nhìn thân Mỹ, hoàn thành thống nhất Tổ quốc.
- Tháng 10/1954, Xứ ủy Nam Bộ được thành lập do Lê Duẩn làm Bí thư.
- Tháng 08/1956, Lê Duẩn viết dự thảo Đường lối cách mạng miền Nam vạch rõ: chế độ thống trị của Mỹ Diệm ở miền Nam là chế độ độc tài, phát xít, hiếu chiến. Để chống Mỹ - Diệm, nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có con đường nào khác.
- Tháng 12/1957 - tại Hội nghị BCH TƯ XIII, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ nước ta tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- Hội nghị BCH TƯ 15 (01/1959) chỉ rõ, Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam: con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đó là con đường lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp đấu tranh chính trị và vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, thành lập một chính quyền liên hiệp dân tộc, dân chủ ở miền Nam.

Nghị quyết còn dự kiến: Vì đế quốc Mỹ là tên đế quốc hiếu chiến cho nên cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang lâu dài và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của BCH TƯ Đảng (khóa II) có ý nghĩa lịch sử to lớn: chẳng những đáp ứng nhu cầu của lịch sử, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, mà còn thể hiện rõ bản lĩnh cách mạng độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng trong những năm tháng khó khăn của cách mạng.

#### **c. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (09/1960):**

Thông qua Báo cáo chính trị và Nghị quyết về Nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới gồm những vấn đề lớn sau:

- Về đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:
  - Nhiệm vụ của cách mạng: đẩy mạnh CMXHCN ở miền Bắc và tiến hành CMDTDCND ở miền Nam.
  - Cách mạng ở hai miền đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước.
- Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền:

- CMXHCN ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.
- CMDTDCND ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.
- Về đường lối CMXHCN ở miền Bắc:
  - Đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên CNXH bỏ qua chế độ phát triển TBCN.
- Đại hội xác định:
  - Cuộc CMXHCN ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường XHCN và TBCN trên tất cả các lĩnh vực nhằm đưa miền Bắc từ nền kinh tế cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế XHCN dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên nền sản xuất lớn XHCN.
  - Cải tạo XHCN và xây dựng CNXH về kinh tế được xem là hai mặt của cuộc CMXHCN về quan hệ sản xuất, hai mặt đó tác động qua lại và thúc đẩy nhau cùng phát triển.
  - Công nghiệp hóa XHCN là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH.
  - Phải tiến hành cách mạng tư tưởng - văn hoá nhằm thay cơ bản đời sống tư tưởng, tinh thần và văn hoá của toàn xã hội miền Bắc cho phù hợp với chế độ mới XHCN.
- Đường lối chung trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở miền Bắc nước ta là: Đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống của nhân dân ta và đoàn kết với các nước XHCN đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.
- Các biện pháp để thực hiện mục tiêu:
  - Sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo XHCN đối với các thành phần kinh tế. Phát triển thành phần kinh tế quốc doanh.
  - Thực hiện công nghiệp hoá XHCN bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
  - Đẩy mạnh cách mạng XHCN về tư tưởng, văn hoá và kỹ thuật.
- Yêu cầu cần đạt đến là: Biến nước ta thành một nước XHCN có công, nông nghiệp hiện đại, văn hoá và khoa học tiên tiến.

Ý nghĩa của Đại hội III: Thành công của Đại hội là cơ sở cho toàn Đảng, toàn dân đoàn kết chặt chẽ thành một khối, là nguồn sức mạnh để xây dựng thắng lợi CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

# Thực hiện các kế hoạch Nhà nước ở miền Bắc, đấu tranh chống Mỹ và tay sai ở miền Nam (1954-1965)

## 1. Các kế hoạch Nhà nước ở miền Bắc:

### a. Kế hoạch ba năm khôi phục kinh tế (1954-1957):

Trọng tâm là sản xuất nông nghiệp và hoàn thành cải cách ruộng đất.

- Khôi phục kinh tế:
  - Sản xuất nông nghiệp được khôi phục và phát triển, nạn đói bị đẩy lùi, tạo điều kiện giải quyết những vấn đề cơ bản trong nền kinh tế quốc dân, góp phần ổn định chính trị, trật tự an ninh xã hội.
  - Việc khôi phục công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giao thông vận tải được hoàn thành.
  - Các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế phát triển nhanh.
  - Hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở được xây dựng và củng cố.
- Cải cách ruộng đất:
  - Kết quả: Đến tháng 07/1956, cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành ở đồng bằng, trung du và miền núi. Chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến ở miền Bắc nước ta đến đây bị xoá bỏ hoàn toàn: 9 triệu người trong hơn 2 triệu hộ nông dân lao động được chia hơn 810.000 ha ruộng đất.
  - Sai lầm: Do chủ quan, giáo điều, không xuất phát từ thực tiễn, cường điệu hóa đấu tranh giai cấp ở nông thôn, sử dụng phương pháp không phù hợp,...

### b. Kế hoạch ba năm cải tạo XHCN, bước đầu phát triển kinh tế - văn hóa (1958-1960):

Thực hiện chủ trương của Hội nghị BCH TƯ XIV (11/1958) và XVI (04/1959), đến cuối năm 1960, sau 3 năm cải tạo XHCN và bước đầu phát triển kinh tế - văn hoá đã tạo nên những chuyển biến quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội ở miền Bắc. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện một bước, sự đoàn kết nhất trí trong các tầng lớp nhân dân được tăng cường, vai trò lãnh đạo của Đảng, sự điều hành và quản lý của Nhà nước ngày càng được củng cố.

### c. Kế hoạch năm năm lần thứ nhất (1961-1965):

- Chủ trương: Xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH, thực hiện một bước công nghiệp hóa XHCN và hoàn thành công cuộc cải tạo XHCN, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH.
- Kết quả:
  - Các phong trào thi đua được triển khai sôi nổi với các điển hình:
    - Hợp tác xã Đại Phong (Quảng Bình) trong nông nghiệp.
    - Nhà máy cơ khí Duyên Hải (Hải Phòng) trong công nghiệp.

- Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp Thành Công (Thanh Hóa).
- Cờ “Ba nhất” trong quân đội.
- Trường cấp II Bắc Lý (Hà Nam) trong giáo dục.
- Dù chỉ thực hiện được bốn năm (đến ngày 05/08/1964), nhưng những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch đã cơ bản hoàn thành.

Trải qua 10 năm khôi phục, cải tạo và xây dựng chế độ mới, “miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội, con người đều mới”. Với chế độ chính trị ưu việt, lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng của cả nước.

## 2. Nhân dân miền Nam đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai:

### a. Thời kỳ 1954 - 1957:

- Âm mưu của đế quốc Mỹ: Biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, lập phòng tuyến ngăn chặn ảnh hưởng CNXH xuống Đông Nam Á, thiết lập căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc XHCN.

Dựng lên bộ máy tay sai nguy quân, nguy quyền; ráo riết thi hành chính sách “tổ cộng”, “diệt cộng”, lập “khu trừ mật”, “khu dinh điền”; gây nhiều vụ thảm sát đẫm máu ở Bến Tre, Quảng Nam, Phú Yên, ...

- Chủ trương của Đảng: Thay đổi phương thức đấu tranh quân sự sang đấu tranh chính trị, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi Mỹ - Diệm phải thi hành hiệp định, phải tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước và đòi thực hiện các quyền dân sinh, dân chủ, chống khủng bố, chống đàn áp, ...

- Phong trào đấu tranh: Thực hiện chủ trương của Đảng, hàng trăm tổ chức quần chúng công khai được thành lập ở miền Nam. Phong trào đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử, chống cướp đất, đuổi nhà, dồn dân,... phát triển mạnh mẽ ở cả nông thôn và thành thị.

Tháng 10/1957, tại chiến khu Đ, Đại đội 250 được thành lập. Đến cuối năm 1957, ở Nam Bộ có 37 đại đội vũ trang.

Trong những năm 1954-1957, mặc dù Mỹ - Diệm thực hiện chính sách tàn bạo, nhưng nhờ chủ trương chuyển hướng kịp thời của Đảng và với tinh thần kiên định, dũng cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân miền Nam, cách mạng miền Nam không bị tiêu diệt, trái lại đã trụ vững, từng bước được khôi phục và phát triển.

### b. Thời kỳ 1958 - 1960:

- Âm mưu của đế quốc Mỹ: Đẩy mạnh khủng bố, liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét, dồn dân qui mô lớn vào các trại tập trung.
  - Ngày 01/12/1958 chúng giết hại hàng ngàn cán bộ cách mạng và đồng bào yêu nước ở trại giam Phú Lợi (Thủ Dầu Một).
  - Tháng 03/1959, Diệm tuyên bố “đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh”.

- Ngày 06/05/1959, Mỹ - Diệm ra luật 10/59 - lê máy chém đi khắp miền Nam.

Mâu thuẫn giữa Mỹ - Diệm với nhân dân miền Nam ngày càng gay gắt.

Chủ trương của Đảng: Nghị quyết Hội nghị XV BCH TƯ Đảng (khóa II) vạch rõ phương hướng đánh đổ chính quyền của đế quốc và phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân được truyền đến các Đảng bộ ở miền Nam đã tạo đà cho cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra và ngày càng rộng lớn.

Phong trào đấu tranh:

- Ngày 17/01/1960, ở Bến Tre, cuộc khởi nghĩa bắt đầu bùng nổ ở huyện Mỏ Cày, sau đó, lan rộng ra các huyện trong tỉnh và nhanh chóng mở rộng ra khắp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và một số nơi thuộc Trung Bộ.
- Cuối năm 1960, 1.383 xã /2.627 xã nhân dân lập chính quyền tự quản. Vùng giải phóng ra đời trên phạm vi rộng lớn nối liền từ Tây Nguyên đến miền Tây Nam Bộ và đồng bằng Liên khu V.
- Ngày 20/12/1960, tại xã Tân Lập (Tây Ninh), Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập.

#### c. Thời kỳ 1961-1965:

- Âm mưu của Mỹ: Chuyển sang chiến lược “chiến tranh Đặc Biệt” ở miền Nam với hai thủ đoạn chủ yếu:
  - Tăng cường quân nguy và khả năng cơ động của chúng (chiến thuật “trục thẳng vận” và “thiết xa vận”) do cố vấn quân sự Mỹ trực tiếp chỉ huy trong các cuộc hành quân tìm diệt (2,5 vạn cố vấn Mỹ).
  - Đẩy mạnh quốc sách “áp chiến lược” nhằm dồn dân theo hình thức “tát nước, bắt cá” để bình định miền Nam.

Tiến hành chiến lược chiến tranh Đặc Biệt, Mỹ dựa chủ yếu vào nguy quân, áp chiến lược và vùng đô thị.

- Chủ trương của Đảng:
  - Hội nghị Bộ chính trị tháng 01/1961 và tháng 02/1962 chủ trương: giữ vững tư tưởng chiến lược tiến công, đưa đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch trên cả 3 vùng chiến lược, bằng 3 mũi giáp công.
  - Tháng 10/1961, thành lập Trung ương cục miền Nam do Nguyễn Văn Linh làm Bí thư. Ngày 15/02/1961, thống nhất các lực lượng vũ trang miền Nam thành Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.
- Phong trào đấu tranh:
  - Đấu tranh chính trị: Phong trào đấu tranh diễn ra sôi động, mạnh mẽ ở cả đô thị và nông thôn, nhất là từ năm 1963 trở đi, đặc biệt là phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo. Đến cuối năm 1965,



85% hệ thống áp chiến lược bị phá vỡ, sự an toàn của Mỹ - nguy ở vùng đô thị bị lung lay.

- Đấu tranh vũ trang: Giành được những thắng lợi lớn: thắng lợi ở trận Ấp Bắc (1963), Bình Giã (1964), Ba Gia, Đồng Xoài (1965),... Một triệu quân nguy vẫn không xoay chuyển được tình thế.
- Ngày 01/11/1963, Mỹ đạo diễn đảo chính Ngô Đình Diệm. Từ tháng 11/1963 - 06/1965, đã diễn ra 10 cuộc đảo chính, nguy quyền Sài Gòn bước vào thời kỳ bị khủng hoảng. Chiến tranh Đặc Biệt bị phá sản.

## **Nhân dân cả nước kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1965-1975**

### **1. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng:**

- Âm mưu của đế quốc Mỹ: Đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và chư hầu vào miền Nam, tiến hành chiến lược chiến tranh Cục Bộ, đồng thời, mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc nước ta. Mỹ đã tiến hành chiến tranh trên phạm vi cả nước ta.
- Chủ trương của Đảng: Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 (03/1965 ) và 12 (12/1965) đã đánh giá tình hình và đề ra nhiệm vụ mới:
  - Nhận định: So sánh lực lượng về lực và thế (bao gồm thế chiến lược và thế trận) giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn.
  - Xác định: Chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc. Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình, thống nhất nước nhà.
  - Phương châm chiến lược chung là: Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh, cần phải cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.
  - Phương châm đấu tranh: Cần phải tiếp tục kiên trì phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, triệt để thực hiện ba mũi giáp công.
  - Tư tưởng chỉ đạo chiến lược là: Giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công.
  - Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền: Miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Phải nắm vững mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam. Khẩu hiệu chung của cả nước lúc này là “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

## 2. Chuyển hướng xây dựng CNXH ở miền Bắc và chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam:

- Chủ trương: Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ XI và XII (khóa III) đã kịp thời xác định chủ trương chuyển hướng với những nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc là:
  - Một là, phải chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại.
  - Hai là, phải tăng cường lực lượng quốc phòng.
  - Ba là, ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất.
  - Bốn là, phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào thi đua ở miền Bắc diễn ra sôi nổi với khẩu hiệu chung: “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”:

- Lực lượng vũ trang: “Nhắm thẳng quân thù mà bắn”.
- Công nhân: “Tay búa, tay súng”.
- Nông dân: “Tay súng, tay cày”.
- Thanh niên: “Ba sẵn sàng”.
- Phụ nữ: “Ba đảm đang”.

- Kết quả: Công cuộc xây dựng CNXH vẫn tiếp tục và đạt những thành tích đáng tự hào: nhân dân miền Bắc đã đánh bại 2 cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, nền sản xuất tiếp tục được duy trì, trình độ sản xuất được nâng lên một bước, trình độ văn hoá của toàn xã hội miền Bắc được nâng lên đáng kể, lối sống mới được phổ biến, tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau được xây dựng. Miền Bắc làm tròn nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam và hoàn thành tốt nghĩa vụ quốc tế.

## 3. Lãnh đạo nhân dân bảo vệ miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam:

### a. Đánh thắng chiến tranh Cục Bộ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại lần thứ nhất ở miền Bắc (1965-1968):

- Âm mưu của đế quốc Mỹ:
  - Ở miền Nam: Tiến hành chiến tranh Cục Bộ với mưu đồ tìm diệt và bình định.
  - Ở miền Bắc: Ném bom phá hoại công cuộc xây dựng CNXH, cắt đứt sự chi viện cho miền Nam, buộc ta phải kết thúc chiến tranh theo điều kiện của Mỹ.
- Chủ trương của Đảng và phong trào đấu tranh: Sau chiến thắng Núi Thành (03/1965) và Vạn Tường (08/1965), cao trào đánh Mỹ, diệt nguy dấy lên mạnh mẽ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị tiếp tục phát triển, mức độ ngày càng quyết liệt trên khắp cả miền Nam.

- Đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của đế quốc Mỹ (1965 -1966 và 1966 -1967).
- Hội nghị lần thứ 13 BCH Trung ương Đảng tháng 01 năm 1967 (khóa III) quyết định mở mặt trận đấu tranh ngoại giao, hỗ trợ cho đấu tranh quân sự và chính trị.

Tháng 12/1967, Bộ Chính trị ra nghị quyết lịch sử: chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, thời kỳ tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng công kích - tổng khởi nghĩa vào các đô thị trên toàn miền Nam.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, đêm 30 rạng ngày 31/01/1968, quân dân ta đồng loạt tiến hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam.

Kết quả: Loại khỏi vòng chiến đấu hàng chục vạn tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, làm đảo lộn thế chiến lược của Mỹ, làm lung lay ý chí xâm lược của chúng. Buộc Mỹ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc và chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán 4 bên tại Paris.

#### **b. Đánh thắng Việt Nam hóa chiến tranh ở miền Nam và chiến tranh phá hoại lần thứ hai ở miền Bắc (1969-1975):**

- Thời kỳ 1969 - 1973:
  - Âm mưu của đế quốc Mỹ:
    - Thực hiện “chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh”.
    - Củng cố ngụy quyền, phát triển ngụy quân - từng bước thay thế quân Mỹ.
    - Ráo riết thực hiện chương trình bình định nông thôn.
    - Mở rộng chiến tranh sang Campuchia và Lào (Đông Dương hóa chiến tranh).
    - Tăng cường chiến tranh phá hoại miền Bắc.
    - Thỏa hiệp với Trung quốc, hòa hoãn với Liên Xô nhằm cắt giảm nguồn viện trợ chủ yếu cho Việt Nam.
  - Chủ trương của Đảng:

Hội nghị BCH TƯ XVIII (01/1970) đề ra những chủ trương mới nhằm đánh bại “Việt Nam hóa chiến tranh”, đánh bại âm mưu giành dân, giành đất của đế quốc Mỹ.

- Chỉ ra những thiếu sót cần khắc phục trên chiến trường miền Nam.
- Phương châm: đẩy mạnh tiến công toàn diện trên ba mặt trận, ba vùng, lấy nông thôn làm hướng chính, đánh lâu dài, tranh thủ giành thắng lợi quyết định trong thời gian ngắn.

Về tác chiến: đẩy mạnh tác chiến chính qui của chủ lực, phát triển mạnh ba thứ quân, tăng cường vũ trang tại chỗ, chú ý công tác hậu cần.

- Dự kiến: tình hình Campuchia diễn biến phức tạp, đường vận chuyển cho Nam bộ và một phần cho Tây Nguyên có thể bị cắt đứt, cần chủ động đề phòng.
- Phong trào đấu tranh:
  - Ngày 24 - 25/04/1970, Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương ra tuyên bố chống kẻ thù chung.
  - Trên chiến trường Campuchia: Đánh bại cuộc hành quân 10 vạn quân của Mỹ - ngụy (tháng 04 - 06/1970), đánh bại cuộc hành quân "Toàn Thắng 1-71" và Chen la 2 (12/1971). Vùng giải phóng Campuchia được mở rộng với 80% đất đai và 60% dân số.
  - Trên chiến trường Lào: Bẻ gãy cuộc hành quân Cù-Kiệt (08/1969), đánh thắng Mỹ tại cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, giải phóng 2 tỉnh Attôpơ và Xaravan.
  - Trên chiến trường Việt Nam: Đánh bại cuộc hành quân "Lam Sơn 719" của Mỹ -ngụy trên đường 9 Nam Lào (tháng 02 - 03/1971).

Từ cuối tháng 3 đến tháng 08/1972, cuộc tiến công chiến lược của ta phá vỡ ba tuyến phòng ngự mạnh nhất của địch ở Trị Thiên, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, diệt 28 vạn quân địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn.

Từ ngày 18 đến ngày 30/12/1972, quân dân miền Bắc đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng,...

Ngày 27/01/1973, Mỹ ký Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

- Thời kỳ 1973-1975:
  - Âm mưu của Ngụy:
    - Tăng quân ngụy.
    - Tiến hành các chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ" lấn chiếm vùng giải phóng.
    - Bình định nông thôn.
  - Chủ trương của Đảng: Hội nghị TƯ Đảng XXI (07/1973) chỉ đạo phải giữ vững chiến lược tiến công, giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực cách mạng.
  - Phong trào đấu tranh:
    - Ta liên tiếp giành những thắng lợi lớn: giải phóng Minh Long, Thượng Đức, Chư Nghệ, Đắc Pét,...
    - Nhiều đợt đấu tranh chính trị lớn: đòi hòa bình, đòi thi hành Hiệp định Paris, đòi dân sinh dân chủ, chống bắt lính, vận động lính ngụy rã ngũ,...
    - Ngày 06/01/1975, quân ta giải phóng tỉnh Phước Long.
    - Hội nghị BCT mở rộng (từ ngày 08/12/1974 đến ngày 07/01/1975) đề ra quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976. Hội nghị đề ra kế hoạch dự

kiến: nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì tiến lên giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

Chấp hành quyết định chiến lược nói trên, cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 diễn ra trên toàn miền Nam, trong đó quyết định là 3 đòn tiến công chiến lược: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh.

## **Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và những kinh nghiệm lịch sử**

### **1. Nguyên nhân thắng lợi:**

- Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.
- Là kết quả của cuộc chiến đấu gian khổ, hy sinh của nhân dân và quân đội cả nước, đặc biệt là đồng chí, đồng bào miền Nam.
- Là thắng lợi của sự nghiệp cách mạng XHCN ở miền Bắc.
- Là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương, sự giúp đỡ và ủng hộ hết lòng của các nước XHCN, của phong trào công nhân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.

### **2. Ý nghĩa lịch sử:**

#### **a. Trong nước:**

- Quét sạch bọn đế quốc xâm lược ra khỏi đất nước ta, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới.
- Tổ quốc hoàn toàn độc lập và thống nhất.
- Cuộc CMDTDCND đã hoàn thành trong cả nước, mở ra thời kỳ mới: cả nước đi lên CNXH.

#### **b. Thế giới:**

- Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo có qui mô lớn nhất và dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc từ sau cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai.
- Làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ. Mở đầu sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới.
- Góp phần tăng cường lực lượng các nước XHCN, thúc đẩy phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hoà bình thế giới.

### **3. Những kinh nghiệm lịch sử:**

- Giương cao cùng một lúc ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ.
- Đảng đã tìm ra phương pháp đấu tranh cách mạng đúng đắn, sáng tạo.

- Sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Trung ương Đảng và công tác tổ chức chiến đấu tài giỏi của Đảng qua các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân đội.
- Đảng ta hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước.

## Câu hỏi thảo luận

1. Đường lối cách mạng Việt Nam sau năm 1954. Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam.
2. Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc được đề ra tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (09/1960). Thành quả của 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc?

## Cả nước quá độ lên xã hội chủ nghĩa và bảo vệ tổ quốc (1975-1986)

Thực hiện đường lối đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (1986-2002)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (ngày 14 - 20/12/1976) và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-

### 1. Tình hình Việt Nam sau năm 1975 và ĐHĐBTQ lần thứ IV của Đảng:

#### a. Tình hình Việt Nam sau năm 1975 và ĐHĐBTQ lần thứ IV của Đảng:

- Cả nước bước vào thời kỳ hoà bình, độc lập, thống nhất, quá độ lên CNXH.
- Các thế lực thù địch tìm cách chống phá cách mạng nước ta.
- Thống nhất đất nước về mặt Nhà nước: tổng tuyển cử bầu Quốc Hội, thống nhất các tổ chức đoàn thể.
- Khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân.

#### b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng:

Báo cáo chính trị:

- Đánh giá ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Nêu lên 3 đặc điểm của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:
  - Từ nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN.
  - Có nhiều thuận lợi, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân gây ra.

- Hoàn cảnh quốc tế có nhiều thuận lợi, song cuộc đấu tranh giữa các thế lực cách mạng và phản cách mạng trên thế giới vẫn diễn ra gay go, quyết liệt.

Đường lối chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:

- Xác định mục tiêu xây dựng CNXH: xây dựng chế độ làm chủ tập thể XHCN (mục tiêu bao trùm); Xây dựng nền sản xuất lớn XHCN (là cơ sở kinh tế của chế độ làm chủ tập thể); Xây dựng nền văn hóa mới và con người mới XHCN.
- Các biện pháp đôn bẩy để đạt mục tiêu: Năm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; Công nghiệp hóa XHCN được xem là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ.

Đường lối xây dựng kinh tế XHCN:

Đẩy mạnh công nghiệp hóa XHCN, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH; đưa nền kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, xây dựng công nghiệp với nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế Trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế Trung ương với kinh tế địa phương trong nước thành một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất; kết hợp kinh tế và quốc phòng.

Trên cơ sở đường lối CMXHCN trong giai đoạn mới, Đại hội xác định các nội dung về:

- Phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 1976-1980: phát triển và cải tạo kinh tế, văn hoá, phát triển khoa học kỹ thuật với 2 mục tiêu vừa cơ bản, vừa cấp bách.
- Đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hoá, xây dựng và phát triển văn hoá mới.
- Tăng cường Nhà nước XHCN, phát huy vai trò của các đoàn thể, làm tốt công tác quần chúng.
- Nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng.
- Nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

**Nhận xét:**

**Ưu điểm:**

Đây là Đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Đại hội tiếp tục khẳng định con đường mà Đảng và Bác Hồ đã chọn, xác định đường lối chung đưa cả nước tiến lên CNXH.

## Hạn chế:

- Chưa tổng kết được kinh nghiệm xây dựng CNXH ở miền Bắc.
- Chưa nhận mạnh việc bức thiết phải làm sau chiến tranh là khắc phục hậu quả của chiến tranh.
- Chưa xác định được chặng đường đầu tiên tiến lên CNXH.
- Còn nóng vội, "tả khuynh" trong việc cải tạo và xây dựng CNXH ở một nước vốn là nông nghiệp lạc hậu như nước ta.

## 2. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm và bảo vệ Tổ quốc (1976-1980):

### a. Về kinh tế:

Về đại thể, tư duy cũ về kinh tế vẫn tồn tại; do đó kinh tế nước ta lâm vào khủng hoảng, việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1976-1980) chưa thu hẹp được những mất cân đối nghiêm trọng trong nền kinh tế quốc dân. Sản xuất phát triển chậm trong khi dân số tăng nhanh, thu nhập chưa đảm bảo tiêu dùng xã hội, nền kinh tế chưa tạo được tích lũy từ bên trong; lương thực, vải mặc và các mặt hàng thiết yếu khác đều thiếu,...

### b. Về công tác xây dựng Đảng:

- Bộ máy các cấp Đảng được kiện toàn.
- Số cấp ủy viên được đào tạo ngày càng tăng.
- Tăng cường phát triển đảng viên mới song song với việc đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không đủ tư cách.

### c. Về hoạt động đối ngoại: Được triển khai mạnh mẽ.

- Ngày 20/09/1977, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.
- Đến năm 1980, có 106 nước lập quan hệ ngoại giao với nước ta.
- Tháng 11/1978, Việt Nam - Liên Xô kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác.

### d. Về bảo vệ Tổ quốc:

- Biên giới Tây Nam:
  - Từ tháng 12/1977 đến tháng 01/1980, quân dân ta mở chiến dịch lớn đánh đuổi quân Pôn-pốt; đồng thời, đáp lời kêu gọi của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, quân tình nguyện Việt Nam đã tiến công truy quét quân xâm lược diệt chủng.
  - Ngày 07/01/1979, Phnôm-Pênh được giải phóng, nhân dân Campuchia thoát khỏi chế độ diệt chủng.
  - 18/02/1979, Việt Nam - Campuchia kí hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác.
- Biên giới phía Bắc:
  - 17/02/1979, Trung Quốc vô cớ tấn công trên toàn biên giới phía Bắc Việt Nam dài 1400 km gồm 6 tỉnh: Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh.



- Quân ta đã chiến đấu ngoan cường để giữ vững chủ quyền lãnh thổ, độc lập của Tổ quốc.
- Ngày 05/03/1979, Trung Quốc tuyên bố rút quân về nước.

Tóm lại, Trong thời kỳ 1975 - 1981, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và đạt được những thành tựu bước đầu trong công cuộc xây dựng đất nước. Song, nước ta vẫn còn gặp khó khăn chồng chất và gay gắt về kinh tế và đời sống. Khủng hoảng kinh tế - xã hội đã xuất hiện. Khó khăn trên trước hết là do nguyên nhân khách quan tạo ra. Song, xét về mặt lãnh đạo “trên những mặt nhất định, khuyết điểm, sai lầm về lãnh đạo và quản lý là nguyên nhân chủ yếu gây ra hoặc làm trầm trọng thêm tình hình khó khăn về kinh tế - xã hội”.

## **Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (03/1982) và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981-1985):**

### **1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (03/1982):**

#### **a. Nội dung đại hội:**

- Xác định: Đảng phải lãnh đạo nhân dân tiếp tục thực hiện 2 nhiệm vụ:
  - Xây dựng thành công CNXH.
  - Sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.
- Về xây dựng CNXH: Đại hội xác định: chặng đường trước mắt bao gồm những năm 80. Mục tiêu kinh tế - xã hội tổng quát cho những năm đó là:
  - Ổn định dần dần, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất, văn hoá của nhân dân.
  - Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu.
  - Hoàn thành công cuộc cải tạo XHCN ở miền Nam, hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN ở miền Bắc, củng cố quan hệ sản xuất XHCN trong cả nước.
  - Đáp ứng nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, giữ gìn an ninh trật tự.
- Về công tác xây dựng Đảng: Nhiệm vụ then chốt là nâng cao tính giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

#### **b. Nhận xét:**

##### **Ưu điểm:**

Đại hội đã dựa trên thực tiễn đất nước những năm sau giải phóng, đã có những bước tiến mới về đổi mới tư duy trong việc tìm tòi con đường quá độ lên CNXH.

##### **Hạn chế:**

- Chưa thấy được sự cần thiết phải duy trì nền kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kì quá độ.
- Chưa xác định được những quan điểm cụ thể về kết hợp kế hoạch với thị trường; công tác quản lý lưu thông, phân phối vẫn một chiều do kế hoạch Nhà nước quyết định.
- Coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu nhưng chưa có những chính sách, những giải pháp để giải phóng lực lượng sản xuất trong nông nghiệp.

## 2. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981-1985):

- Thành tựu:
  - Nền kinh tế: ngăn chặn được đà giảm sút của những năm trước. Sản lượng nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,9%.
  - Văn hoá, y tế, giáo dục,... có những bước tiến bộ - góp phần xây dựng nền văn hoá mới, con người mới.
  - Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc giành được những thắng lợi to lớn, nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia được thực hiện tốt, quan hệ với Liên Xô và các nước XHCN thêm chặt chẽ.
- Tồn tại:
  - Đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội: sản xuất tăng chậm, lưu thông rối ren, nhiều chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch năm năm không đạt được, tài nguyên bị lãng phí, hàng tiêu dùng không đủ, người lao động chưa có việc làm,...
  - Nguyên nhân chủ quan là do sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện của Đảng và Nhà nước. Xác định mục tiêu và bước đi không sát với thực tế, không coi trọng khôi phục kinh tế là nhiệm vụ cấp bách; nông nghiệp vẫn chưa thực sự là mặt trận hàng đầu.
  - Thực trạng đất nước đặt ra yêu cầu khách quan và bức thiết là phải đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, phải có những quyết sách khoa học để ổn định tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, vượt qua khủng hoảng để đi lên.

## Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986) và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986 - 1990)

### 1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986):

#### a. Hoàn cảnh lịch sử:

Đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng bị giảm sút.

#### b. Nội dung Đại hội:

- Tổng kết những thành tựu và những khó khăn của nước ta trong thời kỳ 10 năm đầu cả nước đi lên theo định hướng XHCN.

- Báo cáo chính trị nêu lên 4 bài học kinh nghiệm:
  - Trong toàn bộ hoạt động của mình Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”.
  - Đảng phải luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.
  - Phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.
  - Chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một Đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng XHCN.
- Xác định nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu:

Ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa XHCN trong chặng đường tiếp theo.

- Mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên:
  - Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy.
  - Bước đầu tạo ra cơ cấu kinh tế hợp lí. Làm cho thành phần kinh tế XHCN giữ vai trò chi phối, sử dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác trong sự liên kết chặt chẽ, dưới sự chỉ đạo của thành phần kinh tế XHCN.
  - Tạo ra chuyển biến về mặt xã hội, việc làm, công bằng xã hội, chống tiêu cực, mở rộng dân chủ, giữ kỉ cương phép nước.
  - Củng cố quốc phòng và an ninh.
- Phương hướng cơ bản của chính sách kinh tế - xã hội:
  - Bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư.
  - Xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất XHCN, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế.
  - Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.
  - Phát huy mạnh mẽ động lực của khoa học kỹ thuật.
  - Mở rộng và nâng cao hiệu quả của kinh tế đối ngoại.
- Về đối ngoại: Góp phần phấn đấu giữ vững hòa bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới, góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và CNXH, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc.
- Về huy động sức mạnh của quần chúng: Phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước. Thực hiện khẩu hiệu: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.
- Về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng:

Đại hội chỉ rõ: Đảng phải đổi mới nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới tổ chức, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác.

### c. Ý nghĩa của Đại hội VI:

- Đánh dấu bước ngoặt trong sự nghiệp quá độ lên CNXH ở nước ta.
- Đại hội đã tìm ra lối thoát cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, đặt nền tảng cho việc tìm ra con đường thích hợp đi lên CNXH ở nước ta.
- Đảng ta đã tỏ rõ bản lĩnh độc lập, tự chủ, sáng tạo, tự lực, tự cường.

## 2. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986-1990):

### a. Vượt qua khó khăn mở đầu quá trình đổi mới toàn diện:

#### a1) Những khó khăn:

- Tình hình thế giới: Có nhiều biến động phức tạp:
  - Liên Xô lún sâu vào cuộc khủng hoảng kinh tế - chính trị.
  - CNXH ở các nước Đông Âu bắt đầu khủng hoảng.
- Tình hình nước ta:
  - Khủng hoảng kinh tế - xã hội diễn ra nghiêm trọng.
  - Về lĩnh vực tư tưởng, chính trị: xuất hiện sự dao động về con đường CNXH.
  - Về an ninh quốc phòng: chủ quyền lãnh thổ trên tuyến biên giới phía Bắc, Trường Sa luôn bị xâm phạm, các thế lực thù địch tìm cách chống phá, cấm vận kinh tế.

#### a2) Những thuận lợi:

Đường lối đổi mới của Đảng được toàn dân nhất trí, tin tưởng; do đó đã khơi dậy nhiều nguồn lực, tiềm năng lao động sản xuất, kinh doanh của nhân dân.

### b. Quá trình thực hiện đường lối đổi mới toàn diện:

- Thời kỳ 1987-1988: Đường lối đổi mới chưa phát huy kết quả trong đời sống thực tiễn.
- Thời kỳ 1989-1990: Đường lối đổi mới bắt đầu phát huy tác dụng.

#### • Kết quả:

- Tình hình chính trị đất nước được ổn định, nền kinh tế có nhiều chuyển biến tích cực: đạt tiến bộ rõ rệt trong việc thực hiện 3 chương trình mục tiêu, bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, nguồn lực sản xuất của xã hội được huy động tốt hơn, tốc độ lạm phát được kìm chế,..
- Sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy.
- Quốc phòng được giữ vững, an ninh quốc gia được bảo đảm, từng bước phá thế cấm vận bao vây về kinh tế và chính trị, mở rộng quan hệ quốc tế.

#### • Hạn chế:

Đất nước còn nhiều yếu kém và khó khăn: chưa vượt ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng vẫn chưa được giải quyết, công cuộc đổi mới còn nhiều hạn chế.

## **Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (06/1991) và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1991-1996)**

### **1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH:**

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH.
  - Tổng kết tiến trình cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và nêu ra những bài học kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam: nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH; sự nghiệp cách mạng là của dân, do dân và vì dân; không ngừng củng cố tăng cường đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam.
  - Xác định rõ quan niệm của Đảng ta về xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:
    - Do nhân dân lao động làm chủ.
    - Có một nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
    - Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
    - Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
    - Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
    - Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.
  - Nêu lên những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, an ninh - quốc phòng, đối ngoại.
  - Về hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng, Cương lĩnh chỉ rõ:
    - Tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước Việt Nam trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và hoàn thiện từng bước nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân cử ra. Dân chủ đi đôi với kỷ cương, kỷ luật, phải được thể chế hoá bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm. Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định quyền và nghĩa vụ công dân.
    - Trong hệ thống chính trị, ĐCSVN là một bộ phận và là tổ chức lãnh đạo hệ thống đó. ĐCSVN là đội tiên phong của giai cấp công nhân, Đảng trung thành với lợi ích của giai cấp và của dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng,... Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

- Đề ra 7 phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa:
  - Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân và vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng do Đảng lãnh đạo.
  - Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại, gắn với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện.
  - Phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu.
  - Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng văn hoá làm cho thế giới quan Mác-Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội.
  - Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình và hữu nghị với tất cả các nước; trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, đoàn kết với các nước XHCN, với tất cả các lực lượng đấu tranh vì hoà bình, ĐLDT, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.
  - Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải gắn liền với bảo vệ Tổ quốc.
  - Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng XHCN ở nước ta.
  
- Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000:
  - Mục tiêu tổng quát đến năm 2000 là đưa đất nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỉ XXI, tăng tổng sản phẩm trong nước đến năm 2000 gấp đôi so với năm 1990. Đề ra phương hướng đổi mới cơ cấu kinh tế, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước.
  - Chiến lược nêu rõ các chính sách và giải pháp về vốn và kinh tế đối ngoại, dân số và việc làm, đề ra phương hướng cải cách bộ máy Nhà nước và đổi mới công tác cán bộ.
  
- Báo cáo chính trị:
  - Tổng kết bước đầu tiến trình đổi mới, rút ra 5 bài học kinh nghiệm:
    - Phải giữ vững định hướng XHCN trong quá trình đổi mới.
    - Đổi mới toàn diện và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.
    - Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đi đôi với tăng cường vai trò quản lí của Nhà nước.

- Tiếp tục phát huy ngày càng sâu rộng nền dân chủ XHCN có sự lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp với tình hình chính trị, xã hội.
- Phải quan tâm dự báo tình hình, kết hợp giải quyết đúng những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định đường lối đổi mới, tăng cường tổng kết thực tiễn và không ngừng hoàn chỉnh lí luận về con đường xây dựng CNXH ở nước ta.
- Xác định mục tiêu cần đạt được trong những năm 1991-1995:
  - Tiếp tục kiềm chế và đẩy lùi lạm phát.
  - Giữ vững và phát triển sản xuất, bắt đầu có tích lũy từ nền kinh tế quốc dân.
  - Tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, giảm mạnh nhịp độ tăng dân số.
  - Ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân.
  - Tiếp tục phát huy dân chủ XHCN, đổi mới hoạt động của Nhà nước.
  - Bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ thành quả cách mạng.

· Ý nghĩa Đại hội:

- Phương châm Đại hội: “Trí tuệ, đổi mới, dân chủ, kỉ cương, đoàn kết”.
- Đánh dấu sự trưởng thành mới của Đảng.
- Đại hội hoạch định con đường đi lên CNXH phù hợp với đặc điểm của Việt Nam; do đó, đã củng cố được lòng tin của nhân dân ta.

## 2. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1991-1996):

### a. Thành tựu:

- Kinh tế: Hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu kế hoạch năm năm (1991-1996). Tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hàng năm 8,2%, sản xuất công nghiệp tăng 13,3%, sản xuất nông nghiệp tăng 4,55%,...
- Xã hội: Có một số chuyển biến tích cực. Đời sống phần lớn nhân dân được cải thiện, trình độ dân trí được nâng lên. Lòng tin của nhân dân vào chế độ và tiền đồ của đất nước, vào Đảng và Nhà nước tăng lên.
- Về chính trị, quốc phòng, an ninh: Được củng cố.
- Về hệ thống chính trị: Đã có một số đổi mới quan trọng. Đảng đã từng bước được đổi mới và củng cố về tư tưởng, chính trị, tổ chức.
- Về Quan hệ đối ngoại: Phát triển mạnh, nước ta đã phá thế bao vây, cấm vận. Đảng và Nhà nước ta thực hiện tích cực đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, mở rộng đa phương hoá và đa dạng hoá quan hệ.

### b. Hạn chế:

- Nước ta còn nghèo và kém phát triển nhưng chưa thực hiện tốt cần, kiệm, liêm, chính trong sản xuất và trong tiêu dùng.

- Tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết.
- Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vụng vụng, vừa buông lỏng, quản lí Nhà nước về kinh tế, xã hội còn yếu.
- Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm, chưa nâng lên kịp với đòi hỏi của tình hình.

## **Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (06/1996) và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1996 - 2001)**

### **1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (06/1996):**

- Tổng kết 10 năm đổi mới và khẳng định:
  - Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội nhưng một số mặt còn chưa vững chắc.
  - Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kì quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kì mới: Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
  - Việc hoạch định đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng XHCN.
- Sáu bài học chủ yếu của 10 năm đổi mới:
  1. Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ chí Minh.
  2. Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.
  3. Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lí của Nhà nước theo định hướng XHCN. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.
  4. Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.
  5. Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
  6. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.
- Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1996-2000):
  - Tiếp tục chuyển dịch kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
  - Nắm vững chính sách đối với các thành phần kinh tế, nắm vững định hướng XHCN trong việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần.
  - Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lí kinh tế.



- Phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.
- Giải quyết một số vấn đề xã hội, trước mắt là tập trung sức tạo việc làm, xoá đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa.
- Thực hiện đại đoàn kết dân tộc.
- Tiếp tục cải cách bộ máy Nhà nước.
- Tăng cường quốc phòng và an ninh.
- Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, có chính sách mở rộng đa phương hóa, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại.

## 2. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1996-2001):

### a. Thành tựu:

- Kinh tế: GDP tăng hàng năm bình quân 6,94%; các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.
- Văn hoá, xã hội: Có những tiến bộ.
  - Đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện:
  - Đạt chuẩn quốc gia về xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học.
  - Chú trọng xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.
  - Phong trào xoá đói giảm nghèo và các chính sách xã hội khác được thực hiện tốt hơn.
- Tình hình chính trị- xã hội: Cơ bản ổn định, quốc phòng an ninh được tăng cường, hệ thống chính trị được củng cố.
- Quan hệ đối ngoại: Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và đạt kết quả tốt.

### b. Những yếu kém và tồn tại:

- Nền kinh tế chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp.
- Một số vấn đề văn hoá, xã hội bức xúc chậm được giải quyết.
- Cơ chế, chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển.
- Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, của một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên là rất nghiêm trọng.

## Ý nghĩa thắng lợi của cách mạng Việt Nam

### 1. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945:

- Lật nhào ách thống trị 80 năm của đế quốc phát xít Nhật - Pháp, lập nên nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa - nhà nước Dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á.
- Mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do, dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- Tiêu biểu cho xu thế thời đại - xu thế cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với sự phát triển xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

## 2. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, thống nhất đất nước.

### a. Thắng lợi của 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai:

- Bảo vệ nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa - thành quả của cách mạng tháng Tám.
- Giải phóng miền Bắc, tạo điều kiện vững chắc để nhân dân ta tiến lên giải phóng miền Nam - hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước.
- Với chiến thắng Điện Biên Phủ, nhân dân ta là người đi tiên phong trong việc làm tan rã chủ nghĩa thực dân cũ, tạo ra bước nhảy vọt trong cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa thực dân giành độc lập dân tộc.

### b. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

- Tổ quốc Việt Nam được độc lập, thống nhất.
- Kết thúc cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra giai đoạn cách mạng mới - giai đoạn cả nước độc lập và thống nhất, tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Đập tan cuộc phản kích lớn nhất của Mỹ vào các lực lượng cách mạng kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ II, giáng đòn thất bại đầu tiên vào chủ nghĩa thực dân mới do Mỹ ra sức áp đặt cho các nước chậm phát triển.

## 3. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước quá độ lên CNXH:

- Đạt thành tựu to lớn trong khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh, trong cải tạo và xây dựng đất nước, trong bảo vệ Tổ quốc.
- Làm tròn nghĩa vụ quốc tế.
- Hiểu rõ hơn về qui luật vận động và đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở một nước từ nền sản xuất nhỏ, và do đó, đã có sự đổi mới mạnh mẽ trong đường lối của Đảng để đưa đất nước vượt qua khó khăn, tiến lên vững chắc.

## Những bài học lịch sử

### 1. Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội:

- Đường lối: Cương lĩnh năm 1930 xác định: Mục tiêu của cách mạng nước ta là: đánh đổ đế quốc và phong kiến “làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập” để “đi tới xã hội cộng sản”.
- Thực tiễn:

- Thời kỳ 1930-1954:
  - Cả nước thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân nhằm mục tiêu trước mắt là đấu tranh giành độc lập dân tộc. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội là phương hướng phải đi tới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng nhấn mạnh: quyết tâm giành lại thống nhất và độc lập hoàn toàn, lãnh đạo toàn dân xây dựng điều kiện để tiến lên chủ nghĩa xã hội.
  - Thời kỳ 1930-1945: Mục tiêu hàng đầu là giành độc lập dân tộc.
  - Thời kỳ 1945-1954: Nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp lần thứ hai, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Năm 1954, ta giải phóng được miền Bắc, đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- Thời kỳ 1954-1975:
  - Đảng lãnh đạo nhân dân ta thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nhằm mục tiêu chung là chống Mỹ, cứu nước, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc. Một Đảng lãnh đạo tiến hành hai cuộc cách mạng trong một thời kỳ là đặc điểm độc đáo của cách mạng Việt Nam.
  - Quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: mật thiết, quyết định lẫn nhau và tạo nên sức mạnh tổng hợp của cách mạng.
  - Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và giành được những thành tựu bước đầu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
  - Thắng lợi đó thể hiện sức mạnh của ý chí, của tinh thần độc lập dân tộc; đồng thời, là sức mạnh của chủ nghĩa xã hội.
- Thời kỳ từ năm 1975 đến nay:
  - Cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội với hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội (nhiệm vụ hàng đầu) và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
  - Trong quá trình đổi mới, Đảng ta ngày càng nhận thức rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội với sự lựa chọn hình thức, bước đi và mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm dân tộc. Đổi mới không phải là xa rời mục tiêu mà làm cho mục tiêu ấy thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn, bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.
  - Về quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: có quan hệ hữu cơ và quyết định lẫn nhau: độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc.

## **2. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân:**

- Xác định: Tư tưởng “lấy dân làm gốc”, biết dựa vào nhân dân, phát huy tính tích cực cách mạng của nhân dân, toàn tâm, toàn lực phục vụ nhân

dân, luôn giữ mối quan hệ chặt chẽ với nhân dân là truyền thống tốt đẹp và là nguồn sức mạnh cơ bản của Đảng.

- Trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân:
  - Đảng: Có đường lối chính sách đúng, phản ánh được lợi ích chân chính và nguyện vọng của nhân dân, của toàn dân tộc. Cán bộ đảng viên của Đảng đã chiến đấu hi sinh vì sự nghiệp giải phóng nhân dân, giải phóng Tổ quốc.
  - Nhân dân: Tin theo Đảng, hưởng ứng sự lãnh đạo của Đảng, hết lòng đùm bọc bảo vệ cơ sở Đảng, hết lòng trung thành với Đảng.
- Trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa:
  - Vai trò của nhân dân trong cuộc CMXHCHN: rất quan trọng. Cuộc cách mạng chỉ có thể thành công khi có được đông đảo quần chúng có trình độ giác ngộ cao đứng lên tiến hành với một tinh thần tiến công dũng cảm (do đặc điểm lớn của cách mạng nước ta).
  - Đường lối đổi mới của Đảng, nhấn mạnh: “Phải lấy dân làm gốc”, phải củng cố và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng - Nhà nước và nhân dân.
  - Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân. Phải coi việc thực hiện chủ nghĩa xã hội vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới.
  - Chủ trương của Đảng về kiện toàn hệ thống chính trị chính là nhằm thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa. Phải quán triệt tinh thần mà Đảng đề ra là xây dựng chủ nghĩa xã hội do nhân dân làm chủ, Nhà nước là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

### **3. Không ngừng củng cố và tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế:**

- Xác định: Đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc ta, tạo nên sức mạnh và trở thành động lực của dân tộc.
- Đoàn kết toàn Đảng:
  - Cơ sở đoàn kết: đường lối chính sách đúng và những nguyên tắc của Đảng, Đảng xây dựng thành một khối đoàn kết thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức.
  - Nguyên tắc của Đảng là: lãnh đạo tập thể, sinh hoạt dân chủ, thường xuyên tự phê bình và phê bình; chống mọi biểu hiện phân tán cục bộ, thiếu dân chủ, quan liêu, độc đoán, chuyên quyền,...
- Đoàn kết dân tộc:
  - Cơ sở đoàn kết: Cương lĩnh của Đảng nêu rõ: mục tiêu cơ bản của cách mạng nước ta là giải phóng dân tộc, giành độc lập hoàn toàn và xây dựng đất nước từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong mỗi thời kỳ, Đảng lại đề ra mục tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện

lịch sử và đáp ứng lợi ích, nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân, của dân tộc.

- Để đoàn kết dân tộc, ở mỗi thời kỳ, Đảng hết sức coi trọng công tác vận động quần chúng để giác ngộ và tổ chức quần chúng vào trận tuyến đấu tranh cách mạng, xây dựng lực lượng cách mạng rộng lớn. Đảng đã xây dựng các đoàn thể chính trị - xã hội, Mặt trận dân tộc thống nhất với các hình thức và tên gọi thích hợp với mục tiêu đấu tranh của từng thời kỳ.

Một trong những bài học thành công của Đảng ta trong sự nghiệp đổi mới là mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh của cả dân tộc, đổi mới phải dựa vào dân, vì lợi ích của nhân dân, phát huy quyền làm chủ và sức sáng tạo của nhân dân.

- Đoàn kết quốc tế: Là nhân tố làm tăng thêm sức mạnh của đoàn kết dân tộc, thường xuyên ảnh hưởng đến cách mạng từng nước trong thời đại ngày nay, Đảng ta luôn chú trọng tranh thủ và mở rộng đoàn kết quốc tế.
  - Đối tượng đoàn kết: liên kết với giai cấp vô sản các nước, đoàn kết với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, với nhân dân yêu chuộng hòa bình, tiến bộ và công lý trên toàn thế giới.
  - Kinh nghiệm thực hiện đoàn kết quốc tế:

Coi trọng tinh thần độc lập tự chủ, không lệ thuộc vào bên ngoài.

Cần tranh thủ hợp tác quốc tế theo những nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng độc lập chủ quyền và lợi ích chính đáng của mỗi bên nhằm tạo thuận lợi nhất cho cách mạng trong nước phát triển.

Trong quá trình đoàn kết, tuyệt đối không lơ là mất cảnh giác trước những âm mưu thâm độc của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản cách mạng quốc tế.

#### **4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế:**

- Xác định: Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới và có quan hệ mật thiết với cách mạng thế giới. Đảng có quan hệ mật thiết với Quốc tế cộng sản, quan hệ ủng hộ, giúp đỡ lẫn nhau với Đảng cộng sản Liên Xô, Trung Quốc, Pháp,... phối hợp chặt chẽ với cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc mà trực tiếp là các nước Đông Dương.
- Trong cách mạng tháng Tám: Việt Nam đứng về phe đồng minh chống chủ nghĩa phát xít và Đảng đã tranh thủ được điều kiện thuận lợi khi Liên Xô và các nước đồng minh chiến thắng phát xít Nhật để đẩy mạnh cao trào cách mạng trong nước, phát động toàn dân tổng khởi nghĩa.
- Trong kháng chiến chống Pháp: Đảng xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, xây dựng khối đoàn kết nhân dân ba nước Đông Dương, hình thành mặt trận quốc tế rộng lớn với sự đoàn kết của các nước Liên Xô, Trung

Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới (trong đó có nhân dân Pháp).

- Trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc:

Với việc tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng, Đảng và nhân dân ta vừa phát huy cao độ ý chí tự lực, tự cường và sức mạnh của dân tộc, vừa tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, của bạn bè quốc tế (trong đó có nhân dân Mỹ).

- Trong công cuộc đổi mới: Đảng ta mở rộng quan hệ quốc tế với đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam muốn là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trên thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Bài học trong quá trình đổi mới là tăng cường mở rộng quan hệ quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Để phát huy sức mạnh dân tộc đòi hỏi phải củng cố vững chắc độc lập dân tộc, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, lựa chọn hình thức, bước đi, mô hình chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn Việt Nam, kết hợp nguyên lý chung với những đặc điểm, đặc trưng dân tộc; phải nêu cao hơn nữa ý chí tự lực, tự cường, độc lập, tự chủ, sáng tạo, phát huy nội lực, bản sắc và truyền thống dân tộc.

Để phát huy sức mạnh thời đại đòi hỏi phải tăng cường đoàn kết hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa, với các Đảng cộng sản và công nhân, với các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tranh thủ có hiệu quả các thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ, tích cực trong xu thế toàn cầu hóa, tranh thủ môi trường hòa bình, hữu nghị và hợp tác để thúc đẩy đất nước phát triển nhanh, khắc phục nguy cơ tụt hậu về kinh tế, rút ngắn khoảng cách giữa nước ta với các nước.

Đoàn kết quốc tế là yếu tố hợp thành sức mạnh tổng hợp của cách mạng. Để tăng cường đoàn kết quốc tế, tận dụng và phát huy được sức mạnh của thời đại, trước hết phải dựa trên nguyên tắc giữ vững độc lập tự chủ và sáng tạo, dựa vào sức mình là chính, không ỷ lại bên ngoài, không rập khuôn kinh nghiệm nước ngoài, phải kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, giữ vững bản sắc truyền thống dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa trí tuệ, những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của nhân loại.

## **5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam:**

- Vai trò lãnh đạo của Đảng: “Đảng có vững cách mạng mới thành công (...) cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”. Hơn 75 năm qua, Đảng

Cộng sản Việt Nam đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là do Đảng nắm vững chủ nghĩa Mác- Lênin, vận dụng và phát triển sáng tạo vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam để đề ra Cương lĩnh và đường lối thích hợp.

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng không ngừng nâng cao trình độ lý luận, coi trọng xây dựng Đảng về lý luận, tư tưởng và tổ chức, coi trọng tổng kết lý luận và nghiên cứu thực tiễn để không ngừng phát triển hoàn chỉnh đường lối. Với đường lối đó, Đảng đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

- Đảng lãnh đạo trước hết bằng đường lối chính trị. Đường lối chính trị đúng đắn phản ánh trình độ trí tuệ, trình độ nhận thức và tư duy lý luận của Đảng, là kết quả của tổng kết thực tiễn không ngừng biến đổi và phát triển.

Đảng thường xuyên thực hiện tự phê bình và phê bình để kịp thời sửa chữa sai lầm, khuyết điểm, uốn nắn những nhận thức lệch lạc,... bảo đảm cho sự thống nhất về quan điểm đường lối, về ý chí và hành động trong toàn Đảng.

Bài học lớn nhất về vai trò lãnh đạo của Đảng là phải luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo qui luật khách quan, kết hợp nhuần nhuyễn sự kiên định về nguyên tắc với sự linh động, sáng tạo về phương pháp.

- Sự lãnh đạo của Đảng được thực hiện thông qua vai trò và năng lực tổ chức thực hiện của cán bộ đảng viên của Đảng.

Sau khi đã có đường lối đúng thì cán bộ quyết định tất cả: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”; do vậy, cần phải chú trọng xây dựng Đảng về tổ chức, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ đảng viên cả về năng lực, bản lĩnh chính trị và đạo đức.

Thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, tăng cường công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng; đồng thời, phải quan tâm đổi mới phương thức lãnh đạo đảm bảo cho đường lối chủ trương thực hiện có hiệu quả.

- Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng là vấn đề cốt tử bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng.

Bản chất giai cấp công nhân của Đảng được quyết định trước hết bởi hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, bởi nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bởi lý tưởng đấu tranh cách mạng. Điều đó đòi hỏi phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định và vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát đầy đủ từ thực tiễn Việt Nam, trên cơ sở đó, xây dựng đường lối chủ trương, chính sách đúng đắn, giữ vững nguyên tắc của một Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, tăng cường khối đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Bài học lớn được Đảng tổng kết là: trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng phải biết kế thừa những giá trị truyền thống vẻ vang của dân tộc, hình thành những truyền thống quý báu của Đảng: đấu tranh kiên cường bất khuất, truyền thống độc lập tự chủ và sáng tạo trong đường lối và phương pháp cách mạng, truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, gắn bó mật thiết với quần chúng, một lòng vì dân, vì nước, truyền thống quốc tế chủ nghĩa trong sáng.

Những giá trị và truyền thống đó cần được vận dụng thích hợp và phát triển hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội theo đường lối đổi mới của Đảng.

## **Câu hỏi thảo luận**

Phân tích những bài học kinh nghiệm của Đảng ta từ năm 1930 đến nay.

### **Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (04/2001)**

#### **1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng:**

##### **a. Về con đường đi lên CNXH ở nước ta:**

- Xây dựng CNXH bỏ qua chế độ TBCN, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp khó khăn phức tạp, tất yếu phải trải qua thời kì quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế- xã hội có tính chất quá độ.
- Trong thời kì quá độ có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi lớn về kinh tế - xã hội.
- Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH theo định hướng XHCN.
- Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công- nông và trí thức do Đảng lãnh đạo.
- Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.
- Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển.

##### **b. Những bài học kinh nghiệm của 15 năm đổi mới:**

- Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo.
- Đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- Đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

##### **c. Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001-2005):**



- Mục tiêu tổng quát:
  - Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.
  - Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
  - Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.
  - Mở rộng kinh tế đối ngoại.
  - Tạo chuyển biến mạnh về Giáo dục- Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, phát huy nhân tố con người.
  - Tạo nhiều việc làm, xoá đói giảm nghèo, đẩy lùi các tệ nạn xã hội.
  - Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hình thành một bước thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.
  - Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.
- Mục tiêu cụ thể:
  - Đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm, năm sau cao hơn năm trước và có bước chuẩn bị cho 5 năm tiếp theo.
  - Phát triển kinh tế nhiều thành phần trong đó kinh tế nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo, củng cố kinh tế tập thể, hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.
  - Tăng nhanh vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ cấu kinh tế có hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh.
  - Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.
  - Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hoá hệ thống tài chính - tiền tệ, tăng tiềm lực và khả năng tài chính quốc gia, thực hành tiết kiệm.
  - Tiếp tục đổi mới và tạo chuyển biến cơ bản, toàn diện về phát triển Giáo dục - Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với cơ cấu hợp lí.
  - Giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc.
  - Đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính, đổi mới và nâng cao hiệu lực của bộ máy Nhà nước.
  - Thực hiện nhiệm vụ củng cố quốc phòng và an ninh, đảm bảo trật tự kỉ cương trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

## 2. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (2001-2005):

### a. Thành tựu:

- Nền kinh tế đã vượt qua giai đoạn suy giảm tốc độ tăng trưởng, đạt mức tăng trưởng khá cao; chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của một số lĩnh vực và sản phẩm có chuyển biến.
- Cơ cấu của nền kinh tế tiếp tục có chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá và từng bước hiện đại hoá, phát huy các lợi thế so sánh.
- Tiếp tục thực hiện có kết quả chủ trương giữ vững độc lập, tự chủ về kinh tế có tiến bộ đáng kể trong việc phát huy các nguồn lực của đất nước, của các thành phần kinh tế cho đầu tư phát triển; đồng thời tiếp tục mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thể chế kinh tế tiếp tục được đổi mới, đang hình thành và phát triển các loại thị trường.

#### **b. Khuyết điểm, yếu kém:**

- Tốc độ tăng trưởng chưa đạt mục tiêu Đại hội IX đề ra; chưa tương xứng với mức tăng đầu tư và tiềm năng của nền kinh tế; chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, chậm được cải tiến, kinh tế phát triển chưa bền vững.
- Cơ cấu kinh tế còn chậm chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa nhất là theo hướng hiện đại hoá.
- Việc thực hiện chính sách phát triển các thành phần kinh tế tuy đã có tiến bộ nhưng vẫn còn thiếu nhất quán và chưa khai thác tốt nguồn lực trong dân.
- Chưa phát huy được lợi thế về ổn định chính trị - xã hội để thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Còn thiếu chủ động chuẩn bị để đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.
- Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN chậm được hình thành đồng bộ theo tinh thần nghị quyết đại hội IX.
- Hiệu lực, hiệu quả quản lí Nhà nước đối với kinh tế còn thấp.

### **Câu hỏi thảo luận**

1. Thực trạng đất nước trong thời kỳ 10 năm đầu cả nước đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa?
2. Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới được đề ra tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần VI (12/1986). Phân tích những bài học kinh nghiệm của 15 năm đổi mới được nêu lên tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần IX (04/2001).

### **Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB. GD, 1998.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB. CTQG, 2004.
3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng HCM, Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB. CTQG, 2001.
4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB. Sự Thật, tháng 09/1981.
5. Việt Nam những sự kiện – tập I (1930-1945), NXB. KHXH, 1974.
6. Việt Nam những sự kiện – tập II (1945-1975), NXB. KHXH, 1976.
7. Lê Mậu Hãn, Các Cương lĩnh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB. CTQG, 2003.

8. Lê Trọng Tấn, Chiến cuộc đông xuân 1953 - 1954 một bước phát triển sáng tạo của nghệ thuật quân sự Việt Nam, NXB. QĐND, 1984.
9. Đào Duy Tùng, Quá trình hình thành con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, NXB. CTQG, 1994.
10. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ I (03/1935).

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II (02/1951).

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (09/1960).